

SỐ 2097

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

LỜI TỰA

Với Nam nhạc có nhiều Cổ Chí (ghi chép từ xa xưa), song nơi theo nhau đều ẩn dật chẳng lưu truyền. Trong kho tàng kinh, sách, chí của thời nhà Tùy, có các bộ như “Hành Sơn ký” do Tống cư sĩ soạn thuật. “Nam Nhạc ký” của Thái Bình Ngự Lâm Dẫn Từ Linh Kỳ, “Lô Hồng Hành Sơn ký” của nghệ văn chí thời (tiền) Tống, “Nam Nhạc Thắng Khái” của Tiên Cảnh Khản. Các sách đó đều không được thấy, chỉ có Đạo sĩ Lý Trọng Chiêu ở thời nhà Đường soạn “Nam Nhạc Tiệu Lục” 1 quyển, bộ đó được đưa vào trang Tử Khố Thư. Ngoài ra còn có như “Hành Nhạc Chí” của Bành Trâm thời nhà Minh, “Nhạc Lộ Chí” của Quốc triều Triệu Minh, đều xuất hiện sau mà lại ít, nên thật chỉ có bộ “Nam Nhạc Tổng Thắng tập” 3 quyển này do Trần Điền Thu soạn thuật trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, rõ ràng người ảnh Tống sao bản, thể lệ đã tốt đẹp, sách cũng rất xưa cũ. Khảo xét đó thì như Tiên Công Võ đọc thư, Chí thì có sách đó mà không ghi tên người soạn thuật. Nghệ văn chí Nhà sử thời nhà Tống cũng không ghi sách đó, bởi nó sót lại có Đường Đào Sơn, bạn của tôi làm Phủ sĩ ở thời nhà Minh rất ưu đặc là học ham thích thuần tố xưa cũ, xét giao mở khắc, duyệt xem trong tháng thì khắc thành, rất đáng vui mừng vậy.

Trước kia, Tử Cầm rảo bước đến Ngũ nhạc nhưng đợi hoàn tất việc hôn giá, tôi vì thiếu tiện theo việc hoàn tất Đốc bộ tịch phủ. Từ Hoa Sơn trải qua Tung Sơn, lại vì đường cấm ở Đô Quan Hồ, nên theo hướng Tây đi quanh qua Khúc dương, đến núi Đại mậu hỏi xét các vết

tích xưa miếu cũ ở Bắc nhạc, và đến Quan đông lỗ, cầu tuyết Thái sơn, ở lại vài đêm ngày trông xem. Cong tay chỉ Ngũ nhạc đã đến được 4 nơi, chưa đến được Nam nhạc và ông Đường Đào Sơn lúc chưa đỗ đạt, lấy tên Hiếu Liên để du học, dấu chân đã giẫm bước khắp nửa thiên hạ, trao kinh dưới chân núi Thái sơn, chọn xem 30 quyển tại núi Đại, góp nhặt vết cũ vàng đá, phần nhiều là người xưa trước chưa thấy từ Quan đó về phía Đông nam, đem kinh thuật nghiêm sức Lại trị, mới tìm cầu đến đất Ngô, ghi về sông nước của trong đất Ngô, tiện lợi ghi tả khắc thành, để trưng bày văn hiến 1 phương rất đáng nghĩ nhớ. Sách này là ghi về vết cũ danh sơn của Hương quận, gấp nên rộng lưu bố.

Tôi và Đường Đào Sơn sinh đồng năm, vừa đến lúc biết chẳng phải là tóc xanh mà đã đến lúc lang bạt, thôi từ Quan, nghĩ đến cứu tế mọi vật, trọn chẳng thể tự làm theo ý mình, như đợi hoàn tất việc hôn giá mới rảo bước các danh sơn, sợ tuổi già suy thiếu mọi sự cứu tế ưu thắng, trọn ngày cầm nắm biên lề sách này tiên xét danh thắng, dùng đang lúc đi hay nằm, hoặc sau vài năm liền giải bày, bèn mới đầu theo Đường Đào Sơn đến ở Tiêu tương, giữa khoảng vân mộng trông nhìn 9 mặt của Hành sơn để bổ khuyết cho ý nguyện Tử Cầm xưa trước chưa toại, thì cùng với Đường Đào Sơn y cứ Đồ hình khảo xét xưa cổ, tiếp tục bổ khuyết điều chưa ghi chép đến ở trong sách này. Lại nêu bày rộng lớn.

Ngày mồng 01 tháng 06 năm Gia Khánh thứ 6 (1802)(1) thời nhà Thanh. Tôn Tinh Diển ghi lời tựa thư 5 cây tùng ở kim lăng.

Thắng cảnh của núi khe, vẻ đẹp của rừng hang là nơi mọi người đồng ưa thích. Và các hàng nhân sĩ mến tình thuyết dã thường riêng thân gần, hẳn là chỉ chẳng bó buộc bởi tham muốn lợi danh, hình chẳng dính bám nơi chốn thị thành, dưỡng tâm thanh tịnh nuôi khí đạm bạc, nuôi dưỡng thân gần ở chốn hoan tịch, sau đó trông xem cảnh núi rừng, thành đạt chân thú đó. Lãng Trung Đạo Nhân Trần Canh Sưu có được như vậy, am ở dưới ngọn núi Tử cái của Nam Nhạc, suốt thời gian hơn 30 năm qua lại giữa khoảng 72 ngọn núi, tâm có chỗ mến mộ, chẳng nhọc mệt, tìm cầu xưa trước người khác có cao tăng Nham ở nơi hang cốc, kim sâu tung tích, xét xem việc ấy mà ghi chép đó, trải qua thăm đượm cũng nhiều, đạt được cũng rộng, bèn tích chứa mà thành sách vở, lấy tên là “Tổng thắng tập”/ phàm những nơi sâu ẩn của núi non,

cùng với chùa quán trước sau, các thứ ĐỀ vịnh xưa nay có liên quan đến thắng thú, không gì chẳng ghi chép đầy đủ, hoặc gọi đó là cốt yếu của Đạo giả tu luyện, xét Huyền tẩu xem Tỷ cô cũng nhân rồi ấy ư, thì sắp ứng đó mà nói là tuy nhiên việc làm của sách vở đó đặc biệt vốn chẳng là việc ưa thích, tìm xét u thắng, một lúc lên trông xem đó mà hưng phấn, hẳn có lòng trong trắng với duyên trong sạch, im lặng với chân thú, y cứ sự tích gom tập cảm nay nghĩ nhớ xưa, sớm hợp với tâm xưa trước đó, phát nhĩ chỉ đó, tỏ ngộ chí lý tu chân, dẫn theo sự siêu nhiên của người trước, ngưỡng mộ cảnh hạnh núi, nôm cá lưới thả có ở ấy vậy, thì với việc làm sách vở này, ngõ hầu vì các người biết có lấy đó.

Ngày Thượng ty năm Giáp thân, thuộc trong niên hiệu Long Hưng (1164) thời Nam Tống, vụng sưu lời tựa.

LỜI TỰA TỔNG QUÁT VỀ NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

Ghi chép về Hành Nhạc có 2 quyển “Tâm Thắng”, “Chứng Thắng” lớn nhỏ, đại khái ghi tập “Hành Sơn Ký”, đều là việc tốt đẹp ở đời gần đây. Biên tập sơ lược không nhiều, và mỗi quyển chấp riêng 1 góc, chưa thể rộng sự trông xem đó. Nên Tăng sĩ trước thuật “Tâm Thắng” thì việc mà Đạo gia gọt bỏ không nói. Còn Đạo gia trước thuật vì “Chứng Thắng” thì cảnh mà Tăng sĩ khuyết thiếu không ghi chép đó. Không thể không nghiên cùng sự thí chung của 2 Đạo giáo. Đè nén thì cũng che mờ khác lạ của các ngon núi. Đến như việc Miếu Giám Nhạc, Dương Xuân Huyện Úy Tiền Cảnh Khản tuy lắng tĩnh mà ghi chép đó. Trong đó, thắng khái xoay quanh kỳ đặc, vết linh hiển bày trước trăm phần chỉ được 3-5 phần mà thôi. Kể ngu tôi nhân lúc làm vườn rảnh rỗi, nhóm hợp cả thấy 4 bộ ghi chép trước, rộng vì tu chính, lướt bớt sự trùng lặp rườm rà, bổ túc nơi khuyết thiếu, mệnh mông giữa khoảng núi trống không, thông thả có nhiều năm tháng, trâu dương đỉnh núi, giẫm đạp hang cốc, chưa đến đầu nói là nhọc, tham tâm thắng chân, chóng cảm thấy chí mệt. Sưu cầu nội giáo, rộng gặt hái tiên kinh, và xét theo xưa trước, đoán chắc là từ thời Tam Hoàng trở lại, mãi đến thời Nam Tống chúng ta đây, ước số thời gian thì đã ngàn vạn năm. Những bậc đắc Đạo chân tiên phạm đã giẫm trải qua chốn Nam Nhạc hẳn vì đó mà ghi chép, bày thuật có đến 4-5 vạn lời, phân làm 3 quyển thượng, trung, hạ. Chẳng kể là chùa hay quán đều khảo xét đến mọi hưng phế đó. Vả lại, Nhạc miếu từ thời nhà Chu nhà Tần trở về trước đền thờ tại trên ngọn núi Chúc Dung, lễ trật sánh với Tam công, đến thời nhà Hán nhà Đường phong làm vương tước, nay miếu thứ 2 ở dưới núi Luyện

ngọc. Lại xét theo Quán vũ ở Hành nhạc, kip đến chân tiên đắc đạo, y cứ theo 4 ghi chép trước đều cho là bắt đầu từ trong khoảng niên hiệu Thái Khương (280-290) thời Tây Tấn, tức là từ thời nhà Tấn trở về trước chưa có cung, đền, điều đó có thể biết vậy. Lại xét rõ về Hoàng đế nội truyện nói cùng với Tây Vương Mẫu ở tại trong cung riêng tạo dựng Tiên quán. Lại ở các nơi như Hoa sơn, Tung sơn, Vương ốc sơn, Thái sơn, Hành sơn, Chung nam sơn và ở các động thiên đều có tạo dựng Vương Mẫu Quán để hầu thần vậy. Lấy điều ngày nay để xem xét đó thì bởi duyên lắng chìm ẩn đã lâu, trọn không còn có di tích, đâu có nước nhà Thọ sơn thuộc hệ động thứ 3. Trong bầu trời có 4 phước, trên mặt đất trải ngàn xưa, mãi đến thời nhà Tấn mới dựng lập cung quán ư? Hẳn không như vậy, tức nay tại dưới phía nam có Vương Mẫu Quán xưa cổ, mãi đến đời nay độ người nữ chân tình đốt hương tu tập không ngưng nghỉ. Có thể lấy đó làm chứng cứ thì lời nói của “Nội truyện” quả thật chẳng dối bầy. Lại nữa, Võ Vương ở thời nhà Hạ đến Hành sơn thiết đặt trai hội, tạo dựng Thanh lãnh cung để an trí phụng thờ tôn tượng Ngu Thuấn. Tức biết từ thời nhà Hán nhà Tấn trở về trước cho đến thời Thượng cổ, tạo dựng cung đền tiếp đãi chân tiên đến nghỉ ở, chẳng giảm so với ở thời nhà Tấn nhà Đường vậy. Nên nêu một vài sự kiện làm tiêu đề.

Nên nay đây thì, quyển Thượng nói về linh tích của núi non. Đền thờ kế tiếp đó và cả đến nhiều đời các bậc Đế Vương truyền kinh thọ học Đạo. Quyển Trung nói về mọi sự hưng phế của các chùa quán và gồm cả Dị nhân đắc Đạo, các bậc Cao tăng ở trong núi nơi sản sinh linh dị. Quyển Hạ nói về các bậc Dị nhân, Cao tăng đắc Đạo ở thời nhà Đường nhà Tống, cho đến các hàng ẩn dật, lời tựa cổ bạt. Trước sau thứ lớp theo đó, nên số có tương quan, bày giải có thể gặt hái đó, để các kẻ sĩ tìm u thưởng thắng lấy làm ty nam có thể được vậy.

Ngày mồng 09 tháng 09 năm Long Hưng thứ nhất (1163) thời Nam Tống, lão già cày ruộng Trần Diên Phu ở am Lão phố, động Cửu chân kính thuật.

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

QUYỂN THƯỢNG

Theo “Thượng Chân ký” nói là: Dòng họ Chúc Dung vì Xích Đế mà sửa núi Hành hoắc, tức là Hành nhạc. Hành nhạc là Nam nhạc của Ngũ nhạc. Tức Chu Quan gọi đó là trấn của kinh châu. Và Hạ Thư gọi đó là núi Uyển ủy. Trong Đạo Điển nói: Ngũ nhạc Ngũ sơn mỗi mỗi đều có trụ tá. Xưa kia Hoàng đế đi trông xem Lục hợp, bày thỉnh thần linh thấy ở Đông nhạc, Trung nhạc, Tây nhạc, Bắc nhạc đều có Ty Tá mạng, chỉ có Nam nhạc trở trời không có, mới cùng Xương Vũ, Lục Mục, Phương Minh v.v... các chương từ Tam Thiên, Thái Thượng sai bảo Hoắc sơn, Tiềm sơn làm Nam nhạc Trử Quân, bái Thanh thành làm Trượng nhân, đặt Lô Sơn làm Sứ giả, khiến bao gồm Hành Nhạc làm đánh trấn, để cử Đức Chánh vì làm chủ, Trử Quân là phó quân của Hành nhạc vậy”.

Theo “Thuật Dị Chí” nói là: “Nam nhạc là cánh tay trái của Bàn cổ, đến lúc Hán Võ theo hướng Nam tuần du, vì Nam nhạc ở nơi xa xôi mới dời về cúng tế ở Lô Giang, cũng là tiếp thừa phó nghĩa của Hiên Viên vậy”. Theo “Tương Trung ký” nói là: Hành nhạc là linh đài của Chu Lăng, là động báu của Thái Hư. Trên tiếp thừa sao chấn cân đức lưỡng vật, ứng độ với Ky hành, nên gọi là Hành sơn. Dưới ngòi xổm nơi cung ly, tiếp vị với làng hỏa. Xích Đế quán năm trên đỉnh đó, còn vườn nhà Chúc Dung nằm tại phía Nam, nên gọi là Nam nhạc”. Theo “Võ Cống” nói là: “Kinh và Hành Dương chỉ là kinh châu”. Lại nói: “Theo hướng Nam đi tuần đến Hành nhạc” (Khổng chú Nam nhạc Hành sơn vậy). Theo “Dĩ Nhã” nói là: “Hoắc sơn là Nam nhạc, tức là Hành Hoắc vậy”. Lại trong “Ngũ Nhạc kinh” nói là: “Lô sơn, Ma cô sơn, Ngọc tứ sơn, Động dương sơn, Thái vi sơn, Cửu nghi sơn, La phù sơn v.v... đều làm tá mạng”. Theo “Nam Nhạc ký” của Từ Linh Kỳ nói là: “Động thiên Chu Lăng gọi là Thái Hư, nhỏ có trời đó, chu vi bao quanh khoảng 800 dặm, bên trong có Thanh ngọc đàn, Quang thiên đàn, động Linh nguyên, động Chân khứ, 4 chỗ đất phước, xoay nhận làm đầu, chân

sườn núi làm chân.

Lại theo “Ngũ nhạc chân hình đồ” nói rằng: “Phía trên có Lưu Đan, vuông 40 dặm, cỏ chi sinh mọc tươi tốt, phía Nam có suối ngọt Thiên tân, nếu uống được nước suối đó thì trường sinh bất tử, phía Đông có sỏi đá ngọc thường là sắc màu xanh trắng đẹp xinh, phía Tây có dòng sông Côn, phía Bắc có loại cỏ chi sắc đỏ. Từ dưới lên trên cao 9730 trượng, phía Đông dài đến Đông Dương, phía Tây tới Bạch Hạc, phía Nam đối mặt với Vành Dương, phía Bắc có vòng vây lớn ngòi xỏm. Về phía Tây nam gần sông Tương, từ sông Tương đến Trường sa dài 700 dặm, về phía Đông bắc đến Trường sa 270 dặm, phía Tây xoạc đến Hành Dương dài 90 dặm. Trống đá là cửa phía tây của Chu Lăng, cỏ xanh là vách trái của Hành sơn, cách Việt huyện dài 30 dặm, cặp đường cây tùng cây sam xanh biếc, tay giữa lúc rất nắng chẳng cần phải giăng lọng che, thoảng vang tiếng sảng bút buồn khơi gợi tai mắt người. Trên đường đi có 4 ngôi đình làm nơi mọi người qua lại dừng nghỉ”. Nên trong thơ “Nam Nhạc Chu Lăng Động Thiên” của Xung Diệu tiên sinh Lý Tư Thông nói rằng:

*“Núi linh bảy hai (72) ngọn vút sắc
Lọng tía phù dung đập khí mù
Ảnh lán tiêu tương cuộn mạch đất
Đẹp trội che quanh cấm lửa trời
Chân quân ngọc sách ngàn xưa tỏa
Xích đề toàn cung trấn tám phương
Khéo sánh vua ta thông toán lớn
Ngàn năm Tùng tại đỉnh non cao”.*

Vốn lệ thuộc Hành Dương. Đến năm Thiên Phước thứ 5 (?) (1) mới cắt ở quận Trường sa. Đến trong niên hiệu thuần hóa (990-995) thời Bắc Tống, Hàng Dương Thái Thú Thành uân lại xin phụ thuộc vào Hành dương. Đến năm thứ 4 (993) mới có chiếu ban y như cũ là lệ thuộc Đàm châu, để tiện cho nước nhà thu thuế của dân chúng cầu đảo, thì theo chế đặt khiến Lôi hữu chung đến tấu thỉnh vậy.

1. Lính tích của 5 ngọn núi.

*** Núi Chúc Dung:**

Núi Chúc Dung. Xưa kia vào đời của Viêm Hoàng, đó là nơi Chúc Dung Quân đến dừng ở, nhân đó mà xưng gọi tên như vậy. Trong “Quảng ký” nói là: Chúc Dung đến dừng nghỉ tại Hành phụ”, tức là ở đó vậy. Trên đỉnh núi Chúc Dung tượng trạng tợ như Chu Tước Nguyên

khí xông lên liên tục, muôn sao sáng rực, ánh thái dương nóng cháy, đó là nơi Lão quân cai trị. Bên trong Chủ Hạ khí trường dưỡng muôn vật, khiến thần Bính Đinh (lửa) thực hành đức trời, khiến thần Kỷ Ngọ (?) chỉnh sửa khí đất. Muôn thần thường lấy ngày lập Hạ đất cao ngọn núi đó vào cửa ngọc đá đỏ bái yết Viêm Lão Quân, nhận phù Thiên huyền, rồi mỗi tự trở về 4 phương gọi bảo trăm thần chém giết quỷ ác, do đó mà giúp đất trời nuôi dưỡng người vật vậy. Hành sơn quân ấy thống lãnh tiên quan, mặc áo bào của Chu Quang, đội mũ của Cửu-đan-nhật-tinh, đeo ấn Dạ-quang-thiên-chân, cưỡi rồng sắc đỏ. Nhạc thần vốn dòng họ Sùng, húy là (?) (. . .).

Theo Từ Chân Nhân nói rằng: “Trên đỉnh núi Chúc Dung về phía Tây nam có nước của ao côn, suối cam, bến thần (Côn Trì, Cam Tuyền, Thần Tân). Người nào uống nước đó thì được trường sinh, lên cảnh tiên, như rượu của Quân Sơn, Thạch Chi của Tung sơn. Xưa kia, Hồ Biều Tử đến ẩn cư tại thạch thất Tịch dương. Được uống nước đó mà thành đạo. Khe suối đó tên là Tịch dương, khe núi cao 9.730 trượng, tại phía Bắc của các ngọn núi đó là ngọn núi cao hơn cả, trông nhìn xuống các núi chỉ tựa như gò đồng, tuy các ngọn núi như Tử cái, Vân mật v.v... cũng không thể sánh bằng. Nên trong thơ có 2 câu đối liền nói rằng:

*“Năm ngàn dặm đường đều trông thấy
Bảy hai ngọn núi riêng trội cao.”*

Ở phía Nam có miếu Chúc Dung, nền móng hiện còn. Xưa kia có Quang thiên quán. Theo “Phước địa chí” nói rằng: “Thuộc hệ phước địa trong 22 Quang thiên đàn, phía Đông có am ngủ nghỉ, là nơi Bạch Vân Tiên Sinh Diên Hà Tôn sư hồi Đạo. Lại có Thượng thanh viện. Nơi góc núi đục vách giá hiểm mà ở. Xưa kia có ẩn sĩ hiệu là Lãn Ông chỉ ngâm nuốt phù ăn dùng trà mà ẩn hiện chẳng thường cuối Kiến Long vào Hoa sơn, ở phía Tây có Thanh ngọc đàn, thuộc hệ trong 21 phước địa. Nên trong “Tập phước địa chí” của Động thiên có đoạn tuyệt tác rằng:

*“Ngọc đàn sánh đối thọ sơn cao
Vút cùng động dài bút cự ngao
Chân nhân ở nghỉ thường ẩn đó
Trước động trông giống Bàn đào xinh”.*

Xưa kia, vào thời sở Linh Vương, đỉnh núi chịu dung sụp đổ, có được Họa đồ nhân hoàng 9 đầu. Theo “Đồ kinh” nói rằng: “Trên Thanh ngọc đàn có nơi các Tiên nhân hành đạo, xa lắc riêng biệt men giá hiểm mà lên, nước nhà phụng tu trai hội kim lục hoàn tất thì ẩn tàng. Kim long ngọc giản cũng tại xứ đó”. Lại theo “Nhạc Đồ kinh” nói rằng:

“Phía dưới có cỏ chi núi lửa” theo “Thần nông bản thảo thảo” nói là: “Cỏ chi sắc đỏ sinh mọc tại Hành sơn (cỏ chi sắc đỏ tức là cỏ chi núi lửa vậy), ban đêm có ánh sáng linh như đuốc bay, người đời gọi đó là đèn Thánh”. Theo “Thảo chi Đồ” nói rằng: “Ở Hành sơn có 9 loại cỏ chim, trong đó 3 loại sinh mọc khắp đầy hang cốc ở phía Đông ngọn núi Liên hoa, 3 loại sinh mọc phía dưới Đàn đỏ và 3 loại sinh mọc tại phía Đông ngọn núi kim giản”. Lại theo “Địa lý chí” nói rằng: “Tại Hành sơn có 2 Đàn Thanh ngọc và Bạch Bích (Thanh Ngọc tức là cầu tiên nhấn, Bạch Bích tức là Quang thiên đàn). Ngọn núi đó nhỏ đẹp, lạ thiên tiêu như chữ vàng ròng. Trên đó rộng khoảng vài thước, cũng như kim đỉnh của Đồng Bách, kim đài của cú khúc. Đến trong thời nhà Tùy đổi Quán làm chùa tức là chùa Thượng phong ngày nay vậy. Thổ địa Già lam trong chùa tức là Chân Quân Thổ Địa của Đạo quán, chư Tăng trong chùa bỏ tuyệt không lo hương hỏa nên dòng suối nước cúng dường sử dụng trong chùa liền khô cạn. Chư Tăng lại lấy Thanh ngọc đàn đổi làm Đàn La-hán hành Đạo. Lại có cây Tiên lê. Theo “Tương trung ký” nói rằng: “Ở phía Đông ngọn núi Chúc Dung có tiên lê lớn như Đậu sắc đỏ như mặt nhật loại tợ Bình thật, cũng như mẫu đan ở Thanh thành, hoa sen ở Thái hoa, tre lồng tung ở La phù”. Lại có tủy đá, xưa kia Hành dương lệnh Phan giác được trông thấy loại đó, đá nẻ xé có bùn sắc tía chảy đổ ra. Trong kinh nói: Danh xuất 500 năm mới lần mở chảy ra, nếu người nào được uống loại đó tức Bạch nhật nhẹ bổng”. Lại có loại cây giao tùng, hoặc biến làm thành trăn lớn, mị hoặc con người nhưng không làm hại. Cây tùng Phát đàn gọi là cây ả, tùng vạn năm cao không quá 1 trượng, gốc rễ hung tợn, tướng trạng kỳ quái như rồng, nên Hoàng đế chúng ta sánh thọ như tùng. Lại có suối Hồ bào, khe Tịch dương, đình Tân nhật (có thể trông thấy mặt nhật lộ dạng), nhà Long Vương, hang Bả châm, hang tối thẳm, hang Dạ quang (nơi có lắm nhiều sơn tiêu quỷ mị, hang ao sấm vực gió, mỗi lúc sắp râm tối gió tức dữ gọi là từ hang đó phát ra. Nên trong Bản triều có Đào Bật có bài thơ tứ tuyệt “Lên núi Chúc Dung” là:

*“Tùng đến đành trọi núi Chúc Dung
Rảo bước dưới trăng bên cửa thiền
Đêm khuya một trận mưa đập cửa
Nằm nghe sấm gió nửa chừng non”.*

*** Núi Tử cái.**

Núi Tử cái cao hơn 5.400 trượng, có tướng trạng ráng tía lồng hoa, hình nó như lọng, cũng gọi đó là ngọn núi Hoa cái. Lại gọi Tiểu tử cái là

ngọn núi Hoa cái. Trong tất cả các ngọn núi đều châu về núi Chúc Dung tương trạng như khoan tay kính vái, riêng ngọn núi Tử cái này xoay mặt hướng Nam, nêu nguồn của Chu Lăng Động thiên xoay về hướng Nam vậy. Vì thế núi Chúc Dung phối với Hỏa đức, tuy là cao quý hơn cả trong các ngọn núi. Phía trên có 2 phước địa Thanh ngọc và Bạch bích, vì sở ty chấp chưởng Địa tiên nên thấp hơn so với Động thiên, và hình thế uyển nhiên theo hướng Nam thôi, nên nhà thơ Đỗ Phủ ở thời tiền Đường có bài thơ “Vọng nhạc” đại khái là:

*“Chúc dung cao hơn cả
Núi núi dần thấp ngang
Tử cái riêng chẳng châu
Tranh dài cao cùng trông.”*

Và theo “Tương Trung ký” nói là: “Mỗi lúc khí trời lảng sáng, có đôi hạc xoay liệng phía trên”. Nay có đài Hạc minh, bếp Tiên trà, suối Bạch hạc, đài Bảo lộ. Thời nhà Hạ, vua Võ chân bình Bảo lộ ở dưới đài đó, bên trong chứa đựng mở vàng ngọc sắc tía, người nào uống loại đó thì được trường sinh. Lại theo “Phương dư ký” nói rằng: “Trên đỉnh núi có ao tiên nhân, ban đêm Hạc thanh kêu tự như chuyển sang canh. Phía Đông có đài Thiên bảo, phía Tây có viện Tử cái, là nơi xưa kia đãi các tiên đắc đạo. Lại có Đàm tước huyện Đan tại đó. Có trần tàng khí thượng tiên sinh ở đó, rộng trồng loại cây phỉ, dưới vườn trà có nhà thuốc của Vương Thị tại hang túy lộc, lâu đờm núi cần hà đầu quạ hơn 120 năm. Về sau dời đến dưới ngọn núi Vĩnh Hòa, đến khe Linh, suối Dạ lạc tu linh tế vậy.

* **Núi Vân mật.**

Núi Vân mật cao hơn 5.300 trượng, dưới phía Nam có chùa Vân Phong, phía Tây có hang Đại Võ, là nơi xưa kia Võ vương thiết trai hội cầu chân. Lại có thạch thất của Đan hoặc tiên nhân. Tại phía Tây bắc của núi vào những đêm mờ tối có đèn Tiên xuất hiện nháy nhót như đuốc bay. Có người nói là xưa kia Chu Quân Tử ương từng chôn Đan tại đó, về phía Tây bắc có Ấn Chân bình, phía trên có Hội tiên đàn, tại trong số núi hỗn loạn nhưng vẫn thẳng nhiên bình lặng, chu vi rộng khoảng 5-7 dặm, Động thiên phước địa, là nơi các chân nhân nắm giữ các chức đều so sánh công đến dừng ở, m thường có mây lành che phủ tại đó. Giữa lưng chừng núi có bia của Võ Vương. Võ Vương đến đó đo lường độ cao khoảng 4.010 trượng, đều viết theo lối chữ hình con nòng nọc. Xưa kia có kẻ tiều phu thấy trên vách đá có 2 con rồng cùng giao nhau trên bia, 2 trông mắt chế ra chữ lô (sấm), đá tỏa sáng ngời, mắt

không thể trông nhìn thẳng vào được, bèn kính sợ bỏ chạy không dừng, về sau trọn không có người thấy nữa, cũng như cầu kim ngân ở Thiên thai, cầu ngọc ở Bắc nhạc, xưa nay đều chỉ 1 lần trông thấy. Tất Bình có bài thơ vịnh về “Võ bia” theo lối tứ tuyệt là:

*“Sửa nước công thành ngôi vua thanh
Mưu tốt dạy đời rõ ràng ràng
Ngọc khắc nòng nọc còn khó biết
Huống gì mây sâu ẩn chẳng bày”.*

Lại có cây tốt giao cành, cỏ thơm liền nhánh, chim vàng vượn trắng khác hưởng đồng vận. Phía Bắc có hồ Lưu Châu, có sàng giường Bạch ngọc, dưới kỷ có sỏi cát ngọc, sắc màu như son, người nào uống được đổ thì lên cõi trời. Phía Tây có nguồn Đào Hoa, nhân có Du tăng Huệ Quang đến thăm phỏng đó thấy Hoa Đào như lửa cháy đỏ rực bèn hái vài cành mà đi ra, mọi người trông thấy đều ngỡ lạ, dẫn bạn trở lại phòng tìm trọn không còn thấy gì nữa!

*** Núi Thạch lẫm.**

Núi Ngọc lẫm cao hơn 4.500 trượng. Theo “Tương trung ký” nói rằng: “Núi ấy cao vót, từ xa trông nhìn hình tướng như kho lẫm, có tôn tượng đá đứng 2 bên cửa. Hoặc lúc gió bão mưa sấm, dân chúng sinh sống dưới núi nghe có tiếng đóng cửa đá”. Tương truyền rằng: Chu Lăng động là cửa thuận tiện của trời. Vào thời nhà Tấn có Mao Cảnh làm Hành Dương lệnh, dân chúng man rợ nói cùng Mao Cảnh rằng: “Trong kho lẫm đều là mật”. Mao Cảnh bèn thiết trai chí thành cầu đảo, đích thân sang trông xem quả nhiên thấy có, bèn kính bái mà lấy ăn dùng đó và liền bay lên cảnh tiên. Lại có các Lương thạch khác, là lương thực sót lại từ xưa kia của Võ Vương hóa nên. Lại có Nam Dương Đạo sĩ đi đến núi, lên tuyệt cốc (có thuyết nói là Mãn Cốc) mà chẳng ra. Trong niên hiệu chí hòa (1054-1056) thời Bắc Tống, có Đạo nhân Lý Cổn Dung đến đó hái rau phục linh ăn dùng nhà thành tiên. Lại theo “Kinh Châu ký” nói là: có 1 ngọn núi tên là Thạch khuân. Ở trong thạch thất thường nghe có tiếng tụng kinh. Lại nói: Ngọn núi Thạch khuân tại phía Đông mãn cốc, gọi đó là Tiểu thạch lẫm. Theo “Phương Dư ký” nói là: “Hình như kho lẫm, có 2 cửa, 1 cánh mở, 1 cánh đóng, cửa đóng cũng có hình cửa khóa”. Lại theo “Tương Trung ký” nói rằng: “Cửa mở thì năm đó thiếu kém, cửa đóng thì năm đó được mùa màu”. Theo “Phương Dư ký” nói là: “Xưa kia có Lưu Di Dân vân du Hành sơn đến tuyệt cốc, xa thấy 2 Thạch khuân cách nước không qua đến được, bèn xoay trở lại, gặp 1 cụ già bảo rằng: “Trong thạch khuân ở phía Đông

bến Tịch Dương đều là phương thuốc ưu thượng của các tiên. Lưu Di Dân trở lại sang đường đó, bèn mê mất không trở về lại, nhân đó mà gọi đó là bến mê. Nên Tất Điền có bài thơ nói về núi Thạch Lãm, đại khái là:

“Lúc mưa nghe mở đóng, mùa màn biết thiếu đủ”.

Lại nói:

*“Mới bày tuyết bốn mùa
Mở đóng gió một trời
Thuốc tốt bao giờ được
Bến mê đường ít thông”.*

Là chỉ nơi đó vậy. Phía trên có Thanh ngọc quán, trên đỉnh có Đàn của Trần Chân Nhân luyện Đan, hang quỷ trồng đá sấm gió sâu thẳm, Đàn tụng kinh, suối Dục đan. Về phía Đông nam có nền móng Thái thanh quán, phía Tây có nền móng Động dương cung, phía chánh tông có nền móng Thái sơ quán.

*** Núi Thiên trụ.**

Núi Thiên trụ cao hơn 4.800 trượng, hình dáng như 2 cột trụ, ở trên 2 đầu vót thẳng cao hơn trăm trượng. Theo “Cửu vực chí” nói rằng: “Trong 360 Danh sơn có 8 trụ, tại trong đó có 6 trụ. Dưới núi có chùa Thiên trụ, về phía Tây bắc có thạch thất. Trong niên hiệu Thái hòa thời nhà Ngô(1), có người miền quê giả cả tên là Lý Động Nham đến ở đó và tự nói rằng: “Xưa trước Ngụy Phu nhân (?) có trông Hương Bạch chỉ tại núi đó. Nếu người nào dùng cỏ xương bồ hòa chế để uống thì có thể sống thọ đồng như trời đất. Chỉ pháp không lớn nhỏ, thật tin được vậy. Tôi qua lại nơi đây đã hơn 50 năm, nay đã 117 tuổi”. Về sau người đó sang Thanh thành chưa đầy 2 tháng, trông về nơi chỗ mình ở, thấy lửa dữ bốc cháy cao giữa khoảng không. Mọi người ở dưới núi sang trông xem, trọn không thấy có gì. Ở phía bắc có nền móng am và hang đá, chỉ thấy cỏ mọc loạn xa và tro than nguội lạnh. Bấy giờ lại có vị Đạo nhân đi hái thuốc nơi tuyết đỉnh, trọn không biết ở tại nơi đâu. Xưa kia, vào thời Tây Tấn có Trần Hưng Minh gặp 2 Thần nhân truyền đạo tại đỉnh núi đó.

Ngoài 5 ngọn núi trên ra còn có 67 ngọn núi khác. Di tích linh thiêng tuy ít so với 5 ngọn núi trên nhưng cũng khả quan. Nay theo sự phụ thuộc 5 ngọn núi trên mà thứ tự ghi thuật như sau:

*** Núi Thiên nhật.**

Núi Thiên nhật là nói xưa kia Ân tiên sinh tụng kinh Phụ huyện Triều nhật, nhân đó mà gọi tên vậy.

*** Núi Trắc dao.**

Phía Đông núi Trắc dao có ngôi Thạch thất, là nơi Tuệ Xa tử tu hành, trong thời Tam quốc, có lý ý mong được gặp đó, mà hay ẩn hình trốn ảnh. Ngược lại biết rõ mọi sự tốt xấu của người. Ngụ ở nơi số âm dương. Lại có Đàn lễ đấu của Tiết U Lâu. Chung quanh Đàn cỏ mọc sắp vẩy cả thước, lại còn có 1 tên khác là đài Hỏa Đăng, lá nó tầng tầng sắp lớp, rĩ nó sắc tía, mũ sữa sắc hồng tơ như lá hạnh mà mềm mịn. Mong hái nó thì không thấy, lửa kịp với Đồ sắt làm cuội. Người uống thứ đó chẳng khuyết, kiên cử các thứ huyết thịt tanh nồng suốt 3 năm và thông thần trường sinh, chẳng già suy. Lại hay dùng thủy ngân khô lập thành thủy ngân răng ngựa làm chân bảo, về sau lập hóa ở núi Thục.

*** Núi Huệ nhật.**

Núi Huệ nhật. Xưa kia, mới đầu có vị Cao tăng đến ở đó. Về sau, đến thời nhà Tùy, vua (?) mới ban sắc chiếu gọi là “Đạo tràng Huệ nhật”. Lại qua thời tiền Đường có vị Cao Tăng ở lâu tại am Di lạc, đàm luận kinh giáo, tạo dựng nơi đó rộng rãi ra, mọi người đến quy y rất đông nhiều. Tự soạn truyện 18 vị Cao tăng, về sau ứng phó chiếu chỉ sắc hiệu là “Huệ nhật”. Xưa kia gọi đó là núi Tần nhân, các hàng môn nhân đệ tử mãi đến ngày nay gọi thành tên núi vậy.

*** Núi Bích la.**

Núi Bích la gần với núi Yên hà, trông nhìn xuống dưới có chùa Đại Minh, ngay đường lớn đi đến núi có hang Quán Âm, tháp vua A-dục đều xếp phía dưới đó, cúi trông nhìn các núi phía Nam tốt cùng tầm mắt xa cả ngàn dặm.

*** Núi Yên hà.**

Núi Yên hà về phía Nam xuống dưới có chùa Đại Minh, sau đó có tháp Đại Minh, hang Lạn kha. Phía trước có Hành Đạo Đàn. Về phía Đông có hang Lãn tán là nhà ở đoạn nghiêm của Lý Nghiệp Hầu (5 núi trên đều hệ thuộc núi Chúc Dung).

*** Núi Kim giản.**

Núi Kim giản. Xưa kia Hoàng đế vâng thọ giới kinh tại đó. Nay hiện có Đàn thọ kinh, hang Hoàng đế, động Hoàng lạc, là nơi của Chương từ Tam Thiên. Về phía Đông có hang Đại vọ, Võ Vương thiết trai hội, mộng thấy Thượng Thủy sứ giả lên Thượng quân trao cho Kim giản ngọc thư, nhân đó mà gọi tên như vậy. Nữ có nguồn Đoạn thạch ẩn chân bình. Ở nguồn nước phía Tây nam có tảng đá cao vài trượng rộng vài trượng mà bên trong cắt đứt trên sườn đá đó có khắc chữ rằng: “Nước của ngọc sa như sữa ngọt thơm, người nào được nếm uống đó

thì sống thọ đồng như trời đất”. Hoặc có người đến đó nghe dưới đá có tiếng nước, lắng nghe bên phải tức nghe bên trái, lắng nghe bên trái tức nghe bên phải. Theo “. . . ký” nói là: Nếu người tìm được nơi nguồn nước, ở đó có 1 cây lê, dùng đá đánh chọi vào cây, có tiên nhân tự ra. Xưa trước, Hiền Đề có bài thơ tứ tuyệt nói về “nguồn đoạn thạch” rằng:

*“Một giọt hoa sen hưởng muôn năm
Mọi người đua hỏi nghe tiếng tăm
Nào biết giếng đất lấp cát lâu
Trên bờ sinh mọc cỏ san hồ”.*

*** Núi Hội tiên.**

Núi Hội tiên. Xưa kia, Tiết u lâu chú kinh Linh Bảo, đặt 2 người biện bạch về Tiên sinh, đàm Diệu huyền luận 5 châu du thần, bỗng nhiên gió thơm tỏa quanh chỗ ngồi, khí tốt lành ngưng lắng mây khói, 2 người mới lên đài phía tây, ẩn ánh thấy Xích Quân, bay giữa hư không mà qua. Chiêm ngưỡng vài lần, bỗng nhiên mất hẳn chỗ hiện tại, mây khói bèn tan, phía dưới có nhà của tiên sinh Bạch Vân.

*** Núi Giáng chân.**

Núi Giáng chân. Theo “Tiêu lục” nói rằng: “Xưa kia, cung chúa của Viêm Đế thiết trai hội cầu chân, cảm được Huyền Quân giáng đến truyền Đạo, sau đó vài năm đổi hình luyện cốt đồng bay lên. ”

*** Núi Tiên nham.**

Phía dưới núi Tiên nham có hang đá cao thoáng có thể dung chứa được vài trăm người. Xưa kia Lưu Căn tiên sinh đến ở đó luyện Đạo Thần - triều - tu đế - nhất. Phía Đông có Tiểu đàn, dùng đèn đuốc mọi dụng cụ tế lò đến đá mà thành. Lại có, hang gió, ao Trường sinh, suối treo dỏ giọt giữa khoảng hang trống lạnh nhạt mà như tiếng đàn cầm. Cũng như Thính tuyên ở Tiểu tiêm, ứng tuyên ở cú dung. Phía dưới có cỏ linh Tiên hoàng. Từ động Phong về phía Nam có hang động lớn, đó là cửa phía Đông của Chu Lăng. Nên trong thơ của Tào Đạo Xung có vẻ đối rằng:

*“Cửa nhà Trường sinh rõ ràng mở
Mây ráng động lớn thướt tấc liền. ”*

Là ấy vậy. Phía dưới lại có Tập tiên quán và nền móng Đan Hà am.

*** Núi Phù dung.**

Núi Phù dung. Theo “Đế kỷ” nói rằng: Xưa kia Xích tinh tử trao cho vua Chuyên Húc kinh vi ngôn tại đó”. Nay hiện có Đàn Truyền

kinh. Trong niên hiệu Hàm Hòa (?), Sơn Nam thấy có vài đồng tử cùng đàn hạc trắng bay liệng phía trên.

*** Núi Linh ẩn.**

Phía dưới núi Linh ẩn có hang Phục hổ. Theo “Cựu ký” nói rằng: “Cuối niên hiệu Quảng Minh (?) có người quê mùa tên là Trương Bạch Lao bỏ ăn cơm gạo, thường ngày chỉ uống rượu đục, chưa từng có lúc nào tỉnh, qua lại nơi Hành Dương. Ban ngày ngủ tại động Thạch cổ, ban đêm trở về lại hang. Mọi người có vài lúc thấy hổ nằm trước cửa hang nên không dám đến gần. Có người qua lại mà hỏi đó thì đáp rằng: “Phấy đất lại, phấy đất đi”. Trên đầu lại cắm hoa cỏ đông hoang, miệng thường ngâm ca rằng:

*“Hoa núi cắm trên đầu
Rượu đục rót trong miệng
Mắt say nhìn người tỉnh
Bận rộn mất hết chân”.*

Về sau cũng không biết đi đến xứ nào, có người hái củi trông thấy thì chỉ đập phá chén bát mà thôi. Và từ đó, hổ cũng chẳng lại. Sau đó 5 năm có người trong làng trông thấy ông đến chốn thành đô. Phía dưới có am, nhà, ao, đường. Về phía Tây có nơi Trương Nguyên Hà thoát thay.

*** Núi Bích vân.**

Núi Bích vân tại dưới Tử kim đài (Tử kim đài tức là Bình Bảo lộ) và Hạc minh đài. Về phía Tây nam trông thấy Vân Dương như bột chàam bác lam.

*** Núi Thê châu.**

Núi Thê châu ở dưới Sản vân mẫu kim tương ngân. Theo “Cựu ký” nói rằng: “Xưa trước có người ở động Võ Dương gặp người chất phác, rẽ tóc mặc áo cỏ thân dài cao hơn 1 tấc, thấy thế mà bỏ chạy. Người chất phác ấy bảo rằng: “Ta là tiên đất, chẳng phải là quỷ núi, biết người rất mực chí hiếu không giết hại mọi vật. Ngày nay cùng gặp đây cũng là có phần vậy. Ta nương nấu nơi đây đã lâu, thường uống ăn thương nhĩ nay đã 200 năm. Ta sẽ vì người mà chỉ bảo cách uống ăn đó”. Người kia chỉ bái lia lia không thôi, mới chỉ cho cỏ để trông thấy đó. Bỗng nhiên biến mất. Từ đó về sau người kia uống loại cỏ đó, lâu ngày sức lực địch hơn cả trăm người mạnh khỏe, sống thọ hơn trăm tuổi. Nhân một ngày nọ nằm ngủ lại thấy người chất phác xưa trước, mới báo cùng cháu con xong rồi nằm nghiêm thiếp luôn qua đời.

*** Núi Linh chi.**

Trong khoảng niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường

có Lý Sinh là người chất phác, khéo giỏi đàn cờ, khuôn mặt như xử nữ, thường ở tại kinh Tương, qua lại Trường sa, các hàng phụ lão hay trẻ con từ mới đầu trông thấy cho mãi đến ngày nay tướng trạng vẫn như nhất. Thường nói với mọi người rằng: “Núi nay là đất Chí Dương, dùng 1 âm làm trọng (chủ bên trong vậy, nên luyện tinh của thủy thạch, lâu mà uống dùng đó, thân nhẹ mà khí trụ, hết thật mà cốt chắc, đây là sáng sạch vậy (tức là vân mẫu). Tôi buổi sáng đến núi Thê hà, chiều tối về ngủ ở núi Linh chi, các bè bạn chơi cờ đánh đàn ở phía Tây núi Thiên nữ (bè bạn chơi đàn đánh cờ là kỳ xà thiện nữ. Thê hà quân là từ Quế lâm về hướng Bắc đi khoảng 20 dặm).

*** Núi Hoa cái.**

Trong niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có vị Cao tăng ở tại đó tu hành, đến lúc hết lương thực, bèn trì tụng chú, uống dùng tinh, có người đến thăm hỏi mà chẳng hề nói. Về sau vào núi Liên hoa mà ở ẩn. Tại phía Nam núi đó có viện Hoa cái, là nơi 2 người con của Hoa cái quân bày biện tu hành. Lại có Đàm tiểu, Đan thành, sau đến cháu lên Đan thoát thay. Ở phía Bắc núi đó có loại cỏ Trường sinh mọc lắm nhiều, thân hái nó tuy lâu khô rất đơn lược, dùng nước ấm nóng rưới vào thì xanh biếc như mới mọc. Nếu người mang thai đến lúc gần sinh nấu nước ấm nóng mà uống tức liền sinh. Lại còn gọi đó là cỏ thúc giục sinh. Nay ở các núi khác cũng có.

*** Núi Tử tiêu.**

Phía dưới núi Tử tiêu có Thuyền Đức quán, phía trên có Giá hạc đình, nền móng am Thiệu Duẫn. Xưa kia trong thời Đông Tấn, ngày Duẫn chân nhân xung bay có mây trắng phủ che khắp cùng núi hang suốt 3 ngày chưa tan. Về sau các hàng môn nhân đệ tử tạo dựng nhà Bạch Vân, nay hiện ở trong quán.

*** Núi Hỷ dương.**

Dưới phía Nam núi Hỷ dương có nền móng viện Bắc Đế, ở phía Bắc có hang Điền chân. Phía Tây gần núi Tử tiêu, cũng còn gọi là núi Hỷ dương. Nay để xem xét thì Long sơn chẳng phải đó.

*** Núi Vị đế.**

Núi Vị đế, xưa trước gọi là núi Luyện ngọc, phía trên có núi Huệ xa tử thoát thay, phía Đông có bàn cờ đá của Triệu giản. Phía sau có tảng đá khắc thơ, người biết chữ cũng không được thấy. Tương truyền rằng: “Đá của 3 đảo, mỗi đảo tướng trạng như Bàu chỏ, dưới thấu không đáy thông liền ra biển.

*** Núi Chấn tú.**

Núi Chấn tú ở phía Bắc đền thờ cự nhạc dưới phía Tây nam núi Chúc dung, phía trên ngay núi Chấn tú là nơi người cháu đời thứ 7 của Thiên sư thời nhà Hán được sách trời, phía sau là núi Ẩn thực. Phía Bắc, núi đó nơi ẩn náu có mọc nhiều loại cỏ Địa bất dung, hái lấy châm rót hòa đồng với bột Hùng Hoàng điều hòa mà uống dùng thì giải độc rất tốt. Dùng nó tẩm buộc vào vết thương, tuy răn khức cách chừng 5 bộ cũng không lấy làm hại. Thuốc chữa trị răn tuy lắm nhiều, nhưng công hiệu nhanh chóng không gì hơn thứ cỏ ấy. Hướng gì Chu Lăng là phủ chú sinh, làng Thiên Thiện, giữa khoảng trong và ngoài núi hơn 300 dặm có trùng độc thú dữ cũng chẳng làm hại tổn thương đến người. Địa chỉ ở đó dung hòa, nước ngọt đất đẹp. Đến ở đó chẳng cần phải tu gì cũng được trường thọ và được tốt lành đến cùng bởi cũng do sự che chở của thọ sơn vậy.

*** Núi Thị đế.**

Núi Thị đế phía dưới có nguồn Linh nguyên, nghe tiếng vọng hưởng mà không thấy nước, chỉ nghe giữa khoảng đá có âm thanh lạnh nhạt như tiếng người cùng nói với nhau, cũng như Thính thạch ở Lao sơn, thoại thạch ở Vạn niên sơn, phía dưới thông liền với khe Linh thọ, khe sâu ngậm, trong hang hóc có nhiều cây linh thọ, cành nhánh đều đối tiết, hoặc như chữ “phẩm”. Có người chặt lấy đó làm gậy chống. Lại còn gọi đó là vạn niên đằng.

*** Núi Linh ứng.**

Xưa trước có Đặng Úc Chi, tự là Nguyên Đạt, người ở Tân Dã; Nam Dương có Phủ ấn trừ tà dứt độc trị bệnh, cứu giúp không thứ gì chẳng lành. Nhân đi hái thuốc nghỉ lại qua đêm nơi hang đá, mộng thấy Thần nhân báo rằng: “Ông rất có công sắp được nêu bày mời gọi. Ông nên ứng đáp đúng thời sẽ có nhiều vị tiên hầu ông”. Sau khi tỉnh giấc vừa kinh sợ vừa mừng vui. Đến đầu niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, Đài Ty tấu trình, có ngôi sao nổi bày ở địa phận Trường sa. vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc giám quân dò tìm phỏng hỏi. Sau khi có chiếu chỉ gọi đến luyện đơn được thành. Bèn dời đến ở trước động đó, quả nhiên có nhiều chân nhân nhóm tụ mà nghinh đón đồng bay lên Chu tinh chân. Nhân đó mà gọi tên như vậy.

*** Núi Côi tiêu.**

Xưa kia, Trai Trương tư không đến bãi yết đỉnh núi Chúc dung xoay trở về lên đến núi Côi tiêu an nghỉ thời gian dài, đưa mắt trông nhìn các ngọn núi thấy mây rậm rất lớn như nhà sắp lớp của Phù đồ. Xa thấy ở phía Nam sông lớn mây khói sương mọc tốt lành cuộn quanh

giữa trời, ẩn ẩn có vài ngọn núi cắm giữa tầng mây, mới nói với mọi người cùng đi theo rằng: “Đây chẳng là Tử Lâm ư?” Bên dẫn cả gia đình cỏ Trường phát, phàm ngắt bẻ 1 cành, bên trong đều như tơ nhỏ mịn, mây lông không thấy, dùng lửa thiêu đốt thành bột hòa với đầu hang bôi thoa lên đầu, có thể làm tóc nhanh dài. Lại có Kim lộ bàn sinh mọc nơi thuyết ẩn, hái nó ở nơi đen đối, ẩn ẩn có ánh sáng cũng trải qua nửa năm không khô. Trong Tiêu phương nói giống cỏ đó thông linh, cũng ít có dùng. Lá hạnh kim tuyến sách cũng chẳng kịp với nó.

*** Núi Thạch khuân.**

Núi Thạch khuân có 2 tảng đá hình tròn, bên trong có thạch thất, tại trên hang cốc thuyết tối, mọi người đi hái thuốc thường nghe trong thất có tiếng tụng kinh. Lại có Thạch nhũ. Người nào uống dùng đó thì được Trường sinh. Hoặc có thuyết nói: Núi Thạch khuân tựa vào núi Thạch lẫm, phía Đông có nền móng Thái Thanh quán. Tại phía Đông bắc của Thái thanh quán, nay không khảo cứ có nền móng cũ, tức xưa trước có am cốc vậy.

*** Núi Hương lô.**

Dưới phía Nam núi Hương lô có chùa Bảo thắng, phía trên có nền móng viện Tử cái, bếp tiên trà, tức là nơi trạm tiếp đãi Tiên luyện đan vậy.

*** Núi Nhật cái.**

Núi Nhật cái nhìn về bên tả là Thánh thọ Hoa Nghiêm, nhìn về bên hữu là Nam đài Thiên trụ.

*** Núi Nữ thiện.**

Núi Nữ thiện, xưa kia có 1 người nữ để xõa tóc dài tới eo lưng, lông trên thân mình dài hơn cả tác sắc màu xanh biếc, mọi người thường trông thấy, hỏi điều gì cũng chỉ nói là “Thiện”. Nhân thế mà gọi đó là Thiện nữ. Hoặc thấy ở tại núi Kỳ Xà cùng với Đạo nhân Lý Hà Chu làm bạn chơi đàn đánh cờ.

*** Núi Tập hiền.**

Phía dưới núi Tập hiền có thư viện Nam nhạc, là nói Lý Bí và Trương Cửu Lĩnh thường đàm luận tại đó, nên xưng gọi tên như vậy. Dưới phía Nam núi đó có chùa Hành nhạc.

*** Hai núi Thổ vụ và Thân tử.**

Hai núi Thổ vụ và Thân tử gần liền với núi Bạch mã, đều là núi chúa trong bản huyện. Trên đỉnh núi Thổ vụ cùng mây kín tương ứng, trong cảnh vực xác định về mưa, thường chẳng sai thời hạn. Phía dưới có động Bạch Long, phía Bắc có đài Ngưỡng Thiên, miếu thần nền móng

chùa Ni, cũng có am vũ và Tăng sĩ, Đạo sĩ ở đó.

*** Núi Bạch mã.**

Núi Bạch mã, y cứ theo “Sơn Hải kinh” nói rằng: Xưa kia Hạ Võ ở đó giết ngựa trắng tế trời, ngựa mất lên trời mà kêu mộng thấy có đồng tử vận mặc tơ màu tự xưng là Thương thủy nữ di sứ giả, trao cho kim giản và ngọc văn, nhân đó mà đặt tên như thế. Lại gọi là đài Ngưỡng thiên. Theo “Thập di” nói rằng: Đó là nơi xưa kia Tử Hư nguyên quân triệu phù rượt đuổi rồng trắng”. Nay trong đời gọi đó là động Bạch long, chỉ có miếu Thần long, phía trên có am Vũ, và Tăng sĩ, Đạo sĩ ở đó.

*** Núi Mã yên.**

Núi Mã yên tại phía Nam đường lớn Bình dã và không đặt để gì tốt đẹp.

*** Núi Di lạc.**

Núi Di lạc, trong thời tiền Đường, có Đạo giả đến Nam nhạc, lợp chọi lại am cũ của Cao tăng Trí Dĩnh ở thời nhà Tùy mà ở, tự xưng gọi là Di Lạc, rất thông rành cả Tam giáo, vận mặc áo sam, chẳng kiếm thức, ham ưa thích ngủ nghỉ. Về sau ứng chiếu mà chẳng trở về. Dân chúng ở địa phương nhân đó mà xưng gọi là núi Di lạc vậy (27 ngọn núi trên hệ thuộc về núi Tử cái).

*** Núi Bích thứu.**

Núi Bích thứu tại phía Bắc động Cửu chân, cuối thời nhà Đường có Vương tiên sinh, cũng không biết tu ở xứ nào đến lập am tại phía Nam núi đó. Nhân thấy hình thế của ngọn núi khác lạ, khói trong khí đẹp che phủ đỉnh núi, cỏ thơm hoa tiên ánh ngời nơi khe hang. Theo “Tín sơn ký” nói rằng: “Thuốc mùa thu thì thật, mùa đông dùng rễ. Mầm mống mùa xuân lấy vào tháng 3, mùa hạ lấy vào tháng 5. Dư Bình ngày trước có được bí quyết sắp thành nơi đây, mới sai sơn đồng đi hái cỏ linh ở khắp 5 ngọn núi, đem về đàn ca kiếm bộ tinh cương, y cứ theo Chu thiên điều hòa nước lửa luyện Đan tam tố. Thuốc lớn thì kéo dài mạng sống nhẹ nhàng, thuốc nhỏ thì cứu giúp các bệnh trầm kha. Lâu dần mà tiếng tăm vang đến chốn kinh đô. Phụng vâng chiếu chỉ bèn dời đến ở Trung nhạc để tiện tu hỏi”.

*** Núi Bạch vân.**

Phía Tây núi Bạch vân có chùa Bạch vân, phía dưới có đầm rồng, thần rồng thường vào ra linh cảm, những người còn mang nặng các chất tanh nồng không dám đến gần. Là tiện cửa phía Đông của Chu Lăng động thiên cùng với nguồn Đoạn thạch phía trước Đông thông nhau. Phía dưới có động Bạch vân.

*** Núi Cao kỳ và núi Hạp trĩ.**

Núi Cao kỳ và núi Hạp trĩ đều thuộc giới phận của Tương Đàm, chốn đất cách Nam nhạc khoảng vài xá, đều không đặt để tốt đẹp, có chùa, cũng chẳng hệ thuộc cảnh vực của núi.

*** Núi Linh lộc.**

Núi Linh lộc (tức là Nhạc Lộc) tại phía Tây sông Tương thuộc Đàm châu, hệ thuộc phước địa 20 động chân khư. Theo “cổ thơ” nói rằng:

*“Động ngọc, đàn tiêu cao lãnh lạc
Thành châu hang hóc sắc đẹp xinh
Đáng thương trong thành người dần dặc
Chẳng biết Tiêu tương, xuân bốn mùa”.*

Theo “Tương Trung ký” nói là: Bên trong có động Bảo hoàng, phía dưới có động Chân quán là nơi Đặng Úc Chi ở thời Đông Tấn tu luyện Đan nội ngoại, về sau thăng chân ở Nam nhạc. Mỗi năm đến mùa thu tiên hạc thường tụ tập trước cửa động, đến nay vẫn không tuyệt dứt. Trong triều nhà Tống chúng ta có bài thơ “Mặc tình ngữ” là:

*“Đặc đạo chân tiên đi chẳng về
Để không cung điện cao vời vợi
Ngàn năm thắng địa nhiều cảm lạ
Đàn hạc liêng bay từng năm về”.*

Và cũng trong triều đại nhà Tống chúng ta cải đổi là Cảnh Đức, miếu Huy triều đổi là Nhạc lộc vạn thọ cung, hai bên tả hữu có 2 ngôi chùa Đạo Lâm và Nhạc Lộc, xưa kia trong “Hiền thi” có 1 câu đối là: “Mây che một phước địa, đường cách hai rừng thiền”. Đường Hiền viên, Di Minh thường ở ẩn tại thư viện Nhạc Lộc đó, thì ở bên trong đó. Trong niên hiệu Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có Tú thủy Lê bạch đến ở đó gặp được Đạo sĩ Trương Bảo Hoàng truyền cho nội Bát quái Hệ từ, vâng tu theo đó mà thành Đạo, núi đó vốn không có chim tước, tại động có đá xanh, phía Đông có hàng Quân chân, phía Tây có tháp xá-lợi, Đài Đạo Hương, suối Hán Hoàng quảng Bạch Hạc, đình Phong Ngạc, đều tốt lành đặt để vậy. Lại có Bả tiên gặp Lã Động Tân đồng qua lại trong động, có vài lần qua dưới thành mà không người nào hay biết (5 núi trên hệ thuộc núi Vân Mật).

*** Núi Thạch lựu.**

Dưới phía Nam núi Thạch lựu có cửa động và nền móng Đạo quán. Phía Bắc có khe Tịch dương, hang Tịch dương đảo ngược lại động. Dưới phía Bắc có Mê tân (Bến mê). Xưa kia có người đi tìm thuốc lạc

mê đường sá, chỉ thấy hoa lựu đỏ như lửa. Đi đến Mãn cốc gặp ông cụ già nắm cành hoa thạch lựu mà bảo rằng: “Thuốc tiên cách đây không xa”. Nói xong, bèn liền không thấy. Người đó về sau trở về cung Động dương nói cùng Đạo bạn, mọi người đều ngỡ rằng, lại dám thử hoa lựu mà nghỉ bỏ ăn lương thực, không biết về sau thế nào. Lại nữa, dưới phía Nam có nơi Huệ ung chân nhân gá vào nước trốn lánh người tằn. Người đó gọi là Đầm Trương Ông.

*** Núi Thái hà.**

Núi Thái hà, xưa kia tức là núi Tương ứng, vào thời nhà Tề có chữ bá ngọc, tự là nguyên cừ ẩn tại phía Nam núi đó hơn 10 năm, khéo thông gồm các thuật giải, hái huyện nhả nạp. Ban đêm có Thần nhân đến báo cùng Tề Cao Tổ rằng: “Tại Nam nhạc có người khác lạ, báo cho bệ hạ vì cầu phước”. Nhân đó, vua dò xét phỏng hỏi, ban sắc chiếu mời gọi mà chẳng chịu đến, sau đêm Đoan ngo (mộng 05 tháng 05), mộng thấy luyện Đan, vua bảo: “Đó là tiên Bách vậy, trước ta từng ban sắc chiếu mời mà chẳng đến”. Nhân đó bèn ban chiếu cho cả 2 quân Ngô, Cối đem lễ đến dâng cúng, ban sắc tạo dựng Thánh bình quán, dời núi Bạo bố xuống dưới, có môn nhân đệ tử Vương Tăng trấn, tên là Ứng tướng.

*** Núi Bạch thạch.**

Núi Bạch thạch trùng điệp với núi Ứng tướng, phía dưới, xưa trước có am vũ.

*** Núi Vĩnh thái.**

Núi Vĩnh thái, xưa trước gọi là núi Triều châu. Phía Đông có nền móng ngôi Đạo Quán xưa cũ, phía Nam có nền móng ngôi chùa xưa cũ, động Long châu. Phía trên có nền móng địa chỉ nơi Ân tiên sinh châu Đẩu, thất ẩn của Thạch khác.

*** Núi Cửu nữ.**

Núi Cửu nữ, hoặc có thuyết nói là xưa trước có miếu của 9 người nữ. Nay ở phía Tây bắc thấy có hang của 9 người nam. Đều không có văn kiện nào đáng nêu xuất.

*** Núi Vân long.**

Dưới phía Tây núi Vân long có nền móng Tây chân quán. Theo “Đạo lục” nói là: Vào thời Tây Hán Thực, đó là nơi Đạo sĩ Vương Cốc Thần, Bì Huyền Diệu ở núi Thanh thành tu nhân tại đó. Đến thời Hậu đường lại có Huân Phụng Tiên tiếp tục tu hành. Lại vào Hành dương tìm Chân quán, nay còn có đá tụng kinh và tôn tượng chân nhân bằng đá. Phía Bắc có nền móng chùa Vân long.

*** Núi Song thạch.**

Phía dưới núi Song thạch có 2 ngôi chùa Song phong và Năng nhân, phía Bắc có đình Bạo Bố Ngọc Hồng, chùa Sơ An, hang Thập huệ.

*** Núi Minh nguyệt.**

Núi Minh nguyệt tại núi Song thạch, phía Đông bắc có 2 ngôi chùa Thừa thiên và Sơ minh.

*** Núi Thanh sâm.**

Phía dưới núi Thanh sâm có 2 ngôi chùa Đông lâm và chùa Tây lâm.

*** Núi Phổ Hiền.**

Núi Phổ Hiền về phía Đông bắc có Thạch thất, lấy sự nghỉ ngơi mà đặt tên. Vào thời tiền Đường có vị Cao tăng để dài buông xỏa râu tóc mà ở đó, và không có khói lửa mọi thứ khí cụ. Như có người hỏi điều gì thì chỉ nói: “Vui vẻ nghỉ ngơi chỉ hơn 70 năm, thọ trăm vài mươi tuổi”. Hoặc nói là: “Từng gặp Tông Bính ở thời Tiền Tống truyền Đạo mà không ăn”. Theo “Cựu ký” nói rằng: “Phía dưới có Phổ Hiền Quán, các Đạo sĩ đều là những vị đức lớn ở mười phương tụ tập, giảng luận sâu mầu. Tiếng tăm vang khắp nước nhà, vâng phụng chiếu ban sắc biển ngạch là “Phổ Hiền” và gồm thêm các thứ trang điền để đầy đủ cho việc tu tập và hương hỏa. Núi đó nhân từ Đạo quán mà có được tên gọi. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta thì ban sắc biển ngạch là “Xung chân” vậy.

*** Núi Cú lũ.**

Dưới phía Nam núi Cú lũ có chùa Pháp luân, phía sau có điện Tiên Vương, động Lô, động Diệu hỷ, đình Đạo nhân. Hàn Dũ có bài vịnh về văn bia của Võ Vương đại khái là: “Đạo nhân riêng ở trên, tình cờ trông gặp được” ấy vậy. Trong “Hành sơn ký” của Từ Linh kỳ nói rằng: “Tại núi Vân mật có văn bia của Võ Vương trị thủy, đều viết theo lối chữ hình nòng nọc. Dưới bia có Thạch đàn, dòng nước cuộn quanh đó rất là thắng tuyệt”. Nay tại chùa Pháp Luân có đình Đạo nhân. Tương truyền là: Xưa trước có vị Đạo nhân, thấy gặp ở núi Cú lũ. Về sau trong văn của Hàn Dũ mới có câu đó. Nay đây nêu bày ra cả hai.

*** Núi Hội thiện.**

Núi Hội thiện, xưa trước gọi là núi Mao nữ. Phía dưới có chùa Hội thiện, là nơi cùng gặp gỡ tụ hội của 18 vị Cao tăng. Là nơi giảng tập rất đượm nhuần thiên duyệt, nhân đó mà đặt gọi lại tên như thế.

*** Núi Tiềm Thánh.**

Núi Tiềm Thánh, xưa trước có Cao tăng Hy Tần vân du đến Nam nhạc, gặp tìm chùa Phương Quảng, phỏng hỏi Tôn giả Tuệ hải, trải qua trọn năm mà không thấy tông tích. Bỗng một ngày nọ thấy ngôi Tinh xá đề hiệu là “Phương Quảng”. Gặp Tôn giả hỏi cơ sao đến chậm trễ. Cho nghỉ lại qua đêm, sáng sớm ngày đưa tiễn ra thì phòng nhà người và chùa, trọn không thấy gì cả, nhân đó mà đặt tên như vậy. Lại nữa, Phòng Nhật tỳ tiên sinh đã 3 thời kỳ tu luyện pháp Huyền Bạch tại đó, bỏ ăn cơm gạo, bị sơn tiêu yêu quái nào hại, nhân đó dời chuyển đến núi Cửu nghi mà thoát bỏ thay. Lại có vị Tăng chùa Chúc Dung, ở từ phương xa đến quyên góp được 500 đồ vật để cúng dường, ước theo ý chỉ chủ phỏng hỏi chùa núi, trọn ngày rảo đi khắp mà không nghe thấy danh tích. Đến chiều sẩm tối trông nhìn về phía Tây đỉnh núi Chúc Dung, ẩn hiện ngôi Tinh xá và thấy vị Hóa chủ, hỏi rằng: “Sao đến muộn màng thế?”. Và tiếp đãi rất nồng hậu, xong rồi đến hiêng phía Tây, có người sang quý vận mặc y phục sắc vàng nằm ngủ, vị Tăng ấy bảo: “Đó là Thánh đế, lánh nơi ồn ào huyên náo mà đến nghỉ ngơi tại đây”. Kịp đến lúc tiễn đưa ra cửa trọn không còn thấy gì chỉ là núi hoang mà thôi.

*** Núi Liên Hoa.**

Núi Liên Hoa, phía dưới có chùa Phương Quảng. Có 8 núi 4 sông bao bọc chung quanh. Xưa trước có người đề thơ đại lược là:

*“Chùa tại trong hoa sen
Các núi gá cánh hoa”.*

Lại nữa, phạm dãn lượng có 1 câu đối rằng:

*“Chùa ẩn đỉnh búi tóc
Người ở ngó tìm hoa”.*

Phía Bắc có dấu vết xe nguồn Linh Triệt. Theo Tích ký nói rằng: “Xưa kia có vị A-la-hán ở đó, các quỷ thần vận chuyển lương thực, dấu vết xe in trên đường. Phía Đông trông nhìn đến am Ba tiêu, là nói Cao tăng Tông Bính ở thời Tiên Tống tu hành, phía Bắc có tháp Linh nguyên”.

*** Núi Thiên Đường.**

Núi Thiên Đường về phía Tây có Thạch thất, khám định chí; Ân Cảnh Đông lễ Tinh Đầu, là nơi xuất sinh tự trồng giống Sài Hồ Ưu Thắng. Lại có Hòa thượng Thảo y (áo cỏ) gọi là Đỉnh Danh, về sau dời đến ở núi Diệu cao, Hòa thượng bện kết cỏ làm áo mặc, nhân đó mà xưng gọi như vậy, cành cỏ ấy cứ từng cặp buộc nhau, nếu cành có rủ đầu thì gọi là cành La-hán. Từ trong các hang cốc của núi Thiên Đường,

tiềm Thánh sinh mọc rất nhiều. Xưa kia là nơi trạm tuyến tiếp đãi các Tiên thường hái cỏ ấy để kết chu thủy ngân làm Đan đầu, nhân đó mà gọi là cảnh tiên nhân. Nên trong thơ “Đan phòng lục” có câu đối rằng: “Trước hang nhật dây buộc, trong lửa phục Đan sa” là ấy vậy. Cỏ ấy từ trên hang núi tủa rủ xuống, nên cũng còn gọi là “cỏ thùy nham”, xưa kia có người vịnh thơ “La-hán Điều” rằng là:

*“Năm năm đời lâu dứt động sâu
Chẳng để vết tích khó tìm cầu
Men tơ cảnh giải người nào thí
Dài đến qua xuân treo dây rừng”.*

*** Núi Tường Quang.**

Núi Tường Quang, xưa trước gọi là núi Hạc Minh. Phía Bắc có Linh Điền. Có thuyết nói là đồng bằng linh và hang linh. Theo “Cựu tập” nói rằng: “Tiêu linh gìn giữ bếp Đan ở tại đó, khoảng đầu niên hiệu Đoan Cung (988-990) thời Bắc Tống thường có ánh sáng của Đan tỏa ra như khí thuốc. Ở Dự chương có vị Đạo sĩ đi đến núi thăm kín có điều cảm, chí thành mong cầu mà không gặp. Về sau có 1 lính tốt đến núi đó, ở nơi Hang linh mà có được vài quyển Đạo Vinh, bèn đem ra ngoài đổi bán vậy.

*** Núi Hồi nhận.**

Núi Hồi nhận tại phía Nam thành Hành châu, căn cứ theo Đồ kinh nói rằng: Đó là đầu của Nam Nhạc. Chim nhận đến đó bèn đứng chẳng tiếp qua phía Nam, gặp đến lúc mùa xuân thì trở về lại phương Bắc. Nên trong “Nguyệt lệnh” nói: “Quê hương chim nhận ở phương Bắc” là đó vậy. Trong thơ “Phiếm tiểu tương” của Đỗ tuân Hạc có 1 khúc rằng:

*“Vườn đến đêm sâu khóc
Nam Nhạc lộc biết xuân
Gần cách Hành Dương nam
Có Đùa ngư châu hợp”.*

Đình Giang, am Bàn cư sĩ vô sinh, cảnh đức đạo quán. Xưa trước có chùa Thạch cổ. Nay thư viện thạch cổ là nơi nền móng xưa cũ của chùa vậy. Lại có Nhận phong sứ giả (kẻ sứ núi nhận), sự việc cụ thể như ở quyển hạ (17 ngọn núi trên hệ thuộc núi Thạch Lẫm).

*** Núi Di Đà.**

Núi Di Đà về phía Đông bắc có hang rộng hiểm mờ tối, trước thất cách vài bước không dung đặt chân. Xưa kia cây dây quái lạ giăng phủ đầy vách không có vết chân người. Theo Cựu ký nói là: “Người xưa

thường nghe có tiếng tụng kinh”, tương truyền là có vị Cao tăng ở trong hang núi chẳng ăn uống gì, chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Triều đình đến nêu bày hỏi cũng không dậy ra. Về sau, Cao tăng đó đắc đạo, nhân đó mà gọi là núi Di Đà, phía dưới có chùa-di-đà, ban sắc là “Ban Chu Đạo Tràng” vậy.

*** Núi Bình chướng.**

Núi Bình chướng tại phía Đông núi Thiên Đường, phía trên có luyện Đan đàn, và đá châu tinh đầu.

*** Núi Vĩnh hòa.**

Núi Vĩnh hòa, phía trên có đài Vĩnh Hòa, xưa trước tương truyền có 2 nền móng Đạo quán và chùa Phật.

*** Núi Kỳ xà.**

Núi Kỳ xà, nghĩa là hình tượng của núi cùng với núi Kỳ xà ở nước Thiên Trúc không khác, nên gọi tên như vậy. Về phía Bắc có am, hang, nền móng hiện còn. Theo “Cựu ký” nói là: “Xưa trước có 1 người thiện nữ, không biết dòng họ là gì. Có người hỏi han điều gì thì chỉ vén kéo tay áo vui vẻ mà nói là “Thiện”, nhân đó mà xưng gọi “Thiện nữ”. Hoặc có thuyết nói: Thiện nữ thường tụng kinh Hoàng Đình, tứ nói là: “Đánh cờ chơi đàn ở ngụ vui nhạc là có Lý sinh”. Trong khoan ngoài nhu, đồng hoang rảo ngựa, gặp người thường nói đó mà xưng là “Thiện” về sau cũng không biết đi đến nơi nào. Theo Lý Hà Chu nói là: Dưới phía Tây núi Thiện nữ có gò núi xanh biếc, ở đó có tháp của Khế Hàng Đại Trưởng lão.

*** Núi Linh dược.**

Núi Linh dược về phía Đông bắc có ngôi thạch thất. Theo “Tiêu Linh Hộ Động Chân tập” nói là: Những Đạo sĩ tu luyện Đan muốn hái thuốc linh cỏ lạ để chế luyện Đan thạch, thì trong núi đây, ngoài 5-7 dặm đại khái có đến 10 loại đều là Tiên phẩm thượng dược. Các núi khác tuy rộng thoáng, hang hóc sâu tối, nhưng so về cỏ linh thì chẳng sánh kịp như ở núi này. Xưa kia, Tân Dã tiên sinh Đan tài gần hoàn bị, nhưng gặp phải một vài hoạn nạn khó xét, cùng với Từ Quân rảo bước khắp tam tương, nhân trở lại Nam Sơn, đến núi này hái thuốc, về sau Đan luyện được thành, nhân đó mà gọi tên như vậy”.

*** Núi Bích tụ.**

Núi Bích tụ, phía dưới có nền móng chùa Tụ Phong, phía Tây có nền móng Tây đài quán, còn gọi là Thái sơ quán, không văn kiện nào có thể y cứ. Xưa trước có am vũ.

*** Núi Am thượng.**

Núi Am thượng về phía Tây nam có chùa chỉ Quán. Chùa Nhiếp thọ, chùa An lạc, nền móng cũ của Linh nham, ao mực Triệu Quý Tây thư trai, đều ở trước sau, có miếu Thuấn, khe Thuấn, động Thuấn là những nơi mà xưa kia Đế Thuấn trèo đến núi Cửu nghi nhân đi qua những nơi đó vậy.

*** Núi Linh cầm.**

Núi Linh cầm về phía Bắc có Đàn Lương song tập tổ châu Tinh Đầu. Vào thời tiền Đường, Tiết U Thê cũng đến Đàn đó để tìm chân cầu cầm, bao quanh cây cũ bít trời, rừng lớn tốt tươi. Phía trên vọng tiếng chim kết thành Đàn mà bay, lông cánh khác màu hồng đỏ xen lẫn, tiếng kêu như sinh Hoàng, bay trên chằng cùng hòa mà kêu, thường đến đậu nghỉ tại núi đó, nhân thế mà gọi tên vậy.

*** Núi Phụng hoàng.**

Núi Phụng hoàng, xưa kia Chúc Dung Quân lên Nam Nhạc bái yết Huyền Quân, cảm có Bích kê phụng hoàng nhóm tụ tại núi đó. Trên núi sinh mọc loại trúc thật. Trong “thơ cổ” nói là:

*“Văn Phụng nhóm Nam Nhạc
Bồi hồi rẽ trúc đơn
Trong tâm không nhàm chán
Vượt bay lán núi tía.
Há chẳng từng gian khổ
Ngon cùng Đàn sẻ vàng,
Bao giờ thường ứng lại
Thuận cùng Thánh minh quân”.*

Lại nữa, Mã dung có bài phú rằng: “Chỉ ngô đồng sinh mọc ư? Tại Hành sơn đến Tuấn pha”. Theo “Cựu ký” nói là: Trên có Tuấn pha mà sinh mọc ngô đồng, chim sơn cổ đẹp nên cùng lại vậy”.

*** Núi Văn-thù.**

Núi Văn-thù, xưa trước Thái tử của vua Tuyên Tông thời tiền Đường kính mộ Đạo, từ Hoắc sơn đến Hành sơn đi tuần lễ bái các Đạo tràng cổ tích. Đến Tuấn Pha theo hướng Tây trông thấy thụy tướng sắc màu vàng ròng, thấy giữa lưng chừng khoảng không, bèn kính bạch rằng: “Thật Phật Tổ sư!”. Về sau đem hỏi. Hòa thượng Di Đà bảo: “Đó là Bồ-tát Văn-thù vậy”. Nhân đó mà gọi tên như thế.

*** Núi Trích Bát.**

Núi Trích Bát phía trên có đá định tâm, phía dưới có hang Ẩn thân, hai dòng suối Hồ bào và Trác tích, 2 am Quán Âm và Mã tổ, nước đủ 8 công đức, Tam sinh tàng. Đình Nhạc tâm, cầu Đầu suất v.v... đều

xếp bày trước sau, hai bên tả hữu hệ thuộc chùa Phước Nghiêm. Tương truyền là: Xưa kia Đại Hòa thượng Ân ném bát mà cưỡi qua sông đến ứng chiếu của Trần chúa. Nhân đó mà đặt gọi tên như vậy.

*** Núi Thụy ứng.**

Núi Thụy ứng phía trên có cây lớn, cành rễ tập tễnh hiện nổi tướng trạng như rùa, chột trông thấy đều rất đáng sợ. Nhân đó mà tạo dựng điện Thọ tinh để vì cầu đảo; đó là chỗ Thánh vậy, phía dưới có chùa Nam Đài.

*** Núi Vân cư.**

Núi Vân cư, phía dưới có chùa Vân cư, cầu đá, đình Ngưng bích, đường Kim Ngư, sườn Thối Đạo, cùng gần với Nam đài, ngay đường lớn đi đến núi vậy (13 núi trên hệ thuộc núi Thiên trụ).

2. Nam nhạc có 1 động Thiên.

Động thứ 3 của Nam nhạc hành sơn, tức Chu lăng thái hư nhỏ có 1 động thiên.

3. Nam nhạc có 4 phước địa.

- Phước địa động Chân khư (tại Nhạc lộc thứ 20)
- Phước địa Thanh ngọc đàn (thứ 21)
- Phước địa Quang thiên đàn (thứ 22)
- Phước địa động Linh nguyên (thứ 25).

4. Hai cảnh.

- Ở phía Tây núi Bạch vân, thuộc phía Đông núi Thanh sâm hình thế như 9 nhìn tới gọi đó là Thánh cảnh (Thánh tức là Chu lăng cung).
- Ở phía Bắc núi Triều nhật, thuộc phía Nam núi Cú lũ hình thế như 9 xoay lưng, gọi đó là Linh cảnh (Linh nghĩa chùa Phương Quảng).

5. Ba khe suối.

- Khe suối Linh: Thông với nguồn iên mà có lắm nhiều thuốc tiên, nhân đó mà gọi tên như vậy. Xưa trước gọi là Long châu, chảy ra nơi Hoàng đình quán ở phía dưới núi Thiên trụ, phía Nam hợp với khe suối Thọ, thành dòng đổ vào Bình dã tưới tốt ruộng lúa.

- Khe suối Thọ: Nguồn nước rất cao ở tại Thánh thọ quán, nhân đó mà gọi tên như vậy, chảy ra hang núi Dã nhân ở dưới phía Tây núi Tử cái, trải qua dưới Lộc uyển đến trước Quán hợp dòng đổ xuống đảo Thạch, ngang qua cầu Nhạc từ Linh thọ, hợp dòng với khe suối Linh để

tươi tốt ruộng lúa.

- Khe suối Động chân: Thông tiếp với Chu lăng động phủ, thế nước từ cao trút rót xuống như rèm, cũng như Thủy liên động, nguồn nước ấy rất cao ngang bằng cùng các ngọn núi, chảy ra phía Đông núi Tử cái, thuộc phía Nam núi Chúc Dung, đến Hội chân Quán ở dưới nguồn Động linh, thành dòng đổ vào Bình dã để tưới tốt ruộng đồng.

6. Sáu nguồn:

- Nguồn Đoạn thạch
- Nguồn Đào hoa
- Nguồn Động linh
- Nguồn Linh
- Nguồn Linh triệt
- Nguồn Đại thủy.

7. Sáu cửa:

- Động Đại (cửa phía Đông Động thiên)
- Đầm Đâu suất (cửa phía Nam Động thiên)
- Động Thạch cổ (cửa phía Tây Động thiên)
- Đầm núi Long vương (cửa phía Bắc Động thiên)
- Đầm Bạch vân (cửa Tiện phía Đông)
- Động Môn quán (cửa Tiện phía Tây).

8. Chín khe:

- Khe Thuấn
- Khe Võ
- Khe Thanh
- Khe Minh
- Khe Song
- Khe Quyên
- Khe Hoàng
- Khe Vân
- Khe Tịch dương.

9. Mười lăm động:

- Động Chu lăng
- Động Hoàng lạc
- Động Thuấn

- Động Bạch vân
- Động Tây minh
- Động Quán Âm
- Động Điệp tướng
- Động Tiền
- Động Ngọc thanh
- Động Cửu chân
- Động Diệu hỷ
- Động Vân cảnh
- Động Bảo chân
- Động sau La-hán
- Động Đảo.

10. Mười sáu dài:

- Đài Chu lăng
- Đài Thiên bảo
- Đài Phóng hạc
- Đài Ban chu
- Đài Bát Nhã
- Đài Nam
- Đài Cao
- Đài Động linh
- Đài Thất bảo
- Đài Tầm chân
- Đài Ngưỡng thiên
- Đài Vĩnh hòa
- Đài Tử kim (Bảo lộ)
- Đài Thiên hương
- Đài Lăng không.
- Đài Tây.

11. Mười bốn tháp.

- Tháp Xá-lợi Thích Ca
- Tháp A-dục vương
- Tháp Tam sinh
- Tháp Văn-thù
- Tháp Linh Nguyên
- Tháp Quán Âm

- Tháp Nhi sinh
- Tháp Thạch Đầu
- Tháp Thiên Lâm
- Tháp Đại Minh
- Tháp Lại Tán
- Tháp Thập Huệ
- Tháp Thánh
- Tháp Khế Hàng.

12. Hai mươi ba Đàn.

- Đàn Thanh ngọc
- Đàn Quang thiên
- Đàn Xích tùng
- Đàn Lễ đầu
- Đàn Thăng thiên
- Đàn Giáng chân
- Đàn Triều chân
- Đàn Truyền kinh
- Đàn Phi lưu
- Đàn Hành đạo (2)
- Đàn Triều thiên
- Đàn Tôn đấng
- Đàn Luyện chân
- Đàn Tế thẳng
- Đàn tụng kinh
- Đàn Hội tiên
- Đàn Thọ giới (2)
- Đàn Luyện đan (3)
- Đàn Giảng kinh.

13. Ba mươi tám hang núi.

- Hang Hoàng đế
- Hang Đại Võ
- Hang Đan Hoắc
- Hang Tỵ Tiên
- Hang Thượng Thanh
- Hang Lưu Chân
- Hang Lĩnh thư

- Hang Ẩn thân
- Hang Tiêu táo
- Hang Dã nhân
- Hang Huyện đan
- Hang Tiểu đầu
- Hang Phụ huyền
- Hang Tịch dương
- Hang Khống báo
- Hang Lô toàn
- Hang Bả châm
- Hang Quán Âm
- Hang Bạch hạc
- Hang Hưu
- Hang Dạ quang
- Hang Tối thắng
- Hang Ổ dược
- Hang Hưu lương
- Hang Quy
- Hang Điền chân
- Hang Phục hổ
- Hang Quảng thành
- Hang Thạch nhũ
- Hang Hạ
- Hang Khổng Tước
- Hang Thảo y
- Hang Phi phù
- Hang tụng kinh
- Hang thượng
- Hang Linh
- Hang Thập huệ
- Hang Yến tiên.

14. Hai mươi lăm suối:

- Suối Ngọc sa
- Suối Hạc minh
- Suối Quán Âm
- Suối Mộng ứng
- Suối Cam

- Suối Hổ báo
- Suối Dạ lạc
- Suối Đắc Đạo
- Suối Dục đan
- Suối Phổ dung
- Suối Huyền (Phụng hoàng)
- Suối kim sa
- Suối Bạch hạc
- Suối Trác tích (3)
- Suối Linh
- Suối Tẩy dục
- Suối Bạch quy
- Suối Lôì đình
- Suối An lạc
- Suối Thương long
- Suối Nhất chước.

15. Chín ao.

- Ao Tiên nhân
- Ao Trường sinh
- Ao Dục đan (2)
- Ao Pháp lữ
- Ao Tẩy bát
- Ao Lôì (2)
- Ao Tẩy dục.

16. Tám ngôi nhà.

- Nhà thuốc tiên sinh Bạch Vân
- Nhà thuốc Vương Thị
- Nhà Đan của tiên sinh Trần
- Nhà Luyện đan tiên sinh Vương
- Nhà kinh của ẩn sĩ Kinh Đài
- Nhà sách của tướng công Lý Bí
- Nhà sách của tướng công Vi Trụ
- Nhà sách của xá nhân Lô Phan (Nay tức là Thọ Kỳ Đạo Quán vậy).

17. Tựa Nhạc tử.

Nhạc miếu tại dưới phía Nam núi Tử cái, thuộc phía Tây núi Hỷ dương, phía Đông núi Tập hiền, núi Nhã vụ xoay mặt về phía Nam, núi Chấn tú xoay dài về hướng Bắc, chu vi rộng khoảng 2-3 dặm, ước có hơn 800 gian, ngàn cây sam xanh rờn tốt um, vạn ngôi khói sinh mọc, 1 dòng nước 3 châu. Các ngọn núi bao quanh 4 phía, khe suối Linh thọ, 9 dòng nước chảy xiết 3 lớp trút đổ xuống Đảo thạch, nhiều quanh núi Xích đế, phân dòng theo hướng Đông chảy vào trong miếu. Ao Kê minh chảy ra ngoài cửa Lưu tinh. Ao Hộ long theo hướng Tây chảy hợp vào khe suối, phân rót vào Bình dã, vốn tên là “Ty Thiên Hoắc Vương Miếu”. Vì Nam phương thuộc Hỏa nên phối thần gọi là Chúc Dung.

Căn cứ theo “Ngũ Nhạc kinh” nói rằng: Núi Nam nhạc hình thể tựa như Chu Hoắc, là nơi trị vì của Thái Dương Viêm Lão Quân, nguyên khí xông lên liên tục, sao sáng ngời, Viêm Lão Quân dùng để xử lý chủ hạ khí bên trong đó, nuôi lớn muôn vật, sai thần Bính Đinh (lửa) thực hành Thiên đức, sai thần Kỷ Ngọ (?) chỉnh sửa khí đất. Muôn thần đế đến ngày Lập hạ lên núi đó, vào xích thạch ngọc quan (ải ngọc đá đỏ) bái yết Viêm Lão Quân, thọ nhận phù Thiên huyền, xong rồi mỗi tự trở về khắp 4 phương, vờ gọi sai sứ trăm thần, chém giết quỷ ác để giúp đỡ trời đất nuôi dưỡng người vật. Hành sơn quân ấy thống lãnh Tiên quán vận mặc áo bào của Chu Quang, đội mũ Cửu Đan Nhật Tinh, mang ấn Dạ Quang Thiên Chân, cưỡi rồng sắc đỏ, nhạc thần vốn dòng họ Sùng, húy (?) (. . .). Về sau đến thời Tam Hoàng, thuần phác đã sinh, dần có điều sửa trị, giao phó đó cho chủ giả dưới đất. Viêm Đế mặc áo giáp mà trị vì. Theo Tư Mã Thiên sử ở thời tiền Đường nói là: Nhạc thần tức là chủ giả dưới đất, chẳng phải là Thiên chân. Thái Thượng dùng Đức huân đức Nam nhạc. Xưa kia Hoàng đế lên phong Nhật nhạc thần, du lịch tuần thú. Đến thời nhà Tần nhà Tùy, lấy vua (vương) làm tượng. Đến năm Khai Nguyên thứ 9 (721) thời tiền Đường, mới phong là Ty Thiên vương, đến nay tượng Hốt vẫn hiện còn. Đến đầu niên hiệu Khai Bình (907) thời Hậu Lương (Ngũ Đại), phủ chúa mới sửa sang trong tiết miếu mạo. Xưa kia, vốn ở trên núi Chúc Dung, đến thời nhà Tùy mới chuyển dời xuống để cúng tế thờ tự, bói theo Thái hư quán xưa cổ mà xác định. Nay xét cứ ở phía tả núi Chúc Dung nền móng địa chỉ vẫn hiện còn. Đến trong niên hiệu Tường Phù (1008-1017) dưới thời Chân Tông Hoàng Đế (Triệu Hằng) thời Bắc Tống mới phong sùng Ngũ nhạc, mới ban sắc Công Bộ Thị Lang Tiết Công Ánh, Cấp Sự Trung Tiền Công duy mới mang ngọc sách, thêm hiệu là “Ty Thiên Chiêu Thánh Đế”, và phi tức là Cảnh Minh hoàng hậu. Nay ngọc giản dài 1 thước 5 tấc, văn viết

chữ bằng vàng khâu liền bằng dây vàng, dùng dây gấm để che phủ, mọi người vận mặc y phục màu rắng tía, áo lễ mũ miện, mang đeo kiếm bội cặp theo gìn giữ, đều như phép tắc ở trong cung.

18. Văn Ngọc Sách.

Do Lễ Bộ Thị Lang Đinh Vị soạn thuật.

Điện Trấn Nam, để tôn phụng Ty Thiên Chiêu Thánh Đế. Trong điện ngoài cửa phía Tây thiết lập 4 Nhạc Đế thần tòa, phía trước bày sắp 6 thừa tướng. Phía Đông phụng an đặt Tiểu bia ngọc thanh thượng chân 9 vị. Phía Tây Phụng An đặt ngôi vị Hoàng đế thọ tinh. Hai phía Đông tây của điện liệt bày tiếp đãi 4 Học sĩ đọc tụng. Hai phía Đông-tây của miếu thiết bày tiểu bia các tinh tú. Ở điện Phan Hy dùng để tôn phụng Tư Không Chiêu Thánh Đế Cảnh Minh Thánh Hậu, đều có đủ ngự phục khăn bịt đầu, mũ mào, khăn phủ vai. Hai bên trong điện thiết bày màu trường giường ngủ hai phía Đông-tây, mọi thứ điểm trong gương, lược, tẩy giặt v.v... ở phía Đông bên ngoài là điện Thái tử. Đến trong niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống đều phong hầu tước như là Thế đức hầu, Thế liệt hầu, Thế hiển hầu. Ở phía Tây là điện Công chúa, tôn phụng an đặt 3 vị cung chúa có 36 cung, tính ra phòng ốc có cả thảy 66 gian. Hai phía Đông-tây mỗi bên đều có cửa, xoay quanh tường vách vẽ họa cung tần. Là bút tích của Võ Nhạc từ thời đầu nước nhà tạo dựng. Đến năm Chính Hòa thứ 8 (1118) thời Bắc Tống, sắc màu xanh đỏ bị bụi phủ mờ mới tu sửa trang tiết lại. Cửa Linh hướng là cửa phía Bắc của miếu, lại còn gọi là cửa Binh lính, có 1 gốc cây Thần chương, phàm những lúc mở cáo cầu thỉnh binh lính hẳn là mở cửa đó, ngoài ra đều luôn đóng bít, gặp những lúc thỉnh cầu chú đảo đều được cảm ứng. Ngày 21 tháng 10 năm Thiệu Hưng thứ nhất (1131) thời Nam Tống, Soái Thần Hương Tử Nhân Tế cáo văn bên cạnh điện. Phía Đông của điện Nam trấn, tường tựa tượng đắp họa 10 vị Học sĩ. Đến năm Chính Hòa thứ 7 (1117) thời Bắc Tống chuyển vận phó sứ Niếp Sơn tu sửa Thánh tượng ghi văn bia. Phía Đông có cửa Hương hỏa 3 gian, hàng hiên dài 17 gian, đắp họa liền cung thiết bày nghi tượng, vách tường đắp họa theo sau oai nghi. Trong năm Bính ngọc(1) thuộc niên hiệu Chính Hòa thời Bắc Tống (1111-1118), chuyển vận phó sứ Niếp Sơn vị, dưới sân an phụng thần thuật, tức là trong năm tường phù thứ 4 (1011) thời Bắc Tống, Chân Tông Hoàng đế (Triệu Hoằng) chế ban thư kính phụng thần thuật. Cửa Hư hổ có 3 gian. Lại nữa trong năm Thiên Hy thứ 3 (1019) thời Bắc Tống, Chân Tông Hoàng đế ngự chế phân âm lễ

tất. Hành lang dài 16 gian, họa đắp tượng Bách quan. Ở phía Tây điện Trấn Nam cũng tường tự thiết bày tượng họa 10 vị Học sĩ. Phía Tây có cửa Hương hỏa 3 gian, hàng hiên dài 17 gian, đắp họa Liễn quan, thiết bày nghi vệ trượng vật, trên vách tường đắp họa nổi tiếp nhau oai nghi. Dưới sân có đình bia ngọc sách.

Chân Tông Hoàng đế (Triệu Hoằng) dâng Đế huy hiệu là “Sách văn ngọc sách”, dùng vàng xỏ suốt hộp báu. Đến trong tháng 3 năm Thiệu Hưng thứ nhất (1131) thời Nam Tống, Khổng Ngạn Chu trộm lấy hủy hoại, van đó chẳng còn. Ngày mồng 10 tháng 6 năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086) thời Bắc Tống. Giám Quan Hoàng An Kỳ khắc đá, cửa thuận thành gồm có 3 gian. Có năm Càn Đức thứ 3 (963) thời Bắc Tống, Đàm Châu tu sửa miếu ghi văn bia, do Binh Bộ Lang Trung Giả Thử soạn văn, Soái thần Phan Mỹ lập, hàng hiên dài 16 gian, họa tượng Bách quan. Trước điện Trấn Nam, nơi khám đá có 1 tòa đền. Trước kia Quảng Tây đề cử Lã Vị Kiến xả thí đèn đuốc, Đường Sở Vương xả thí Bồn sắt, đài Lộ treo sân đình, vách tường họa vẽ thần tượng Nhạc bộ bách hý, tức là tiêu tường vậy. Cửa Trấn Nam có 5 gian, có viết 2 chữ “Nam nhạc” theo lối chữ Triệu, chuyển vận phán quan Văn Huân khắc triệu hùng vĩ cứng mạnh thanh sạch, ở đời rất trân quý. Ở cửa Đông hoa và cửa Tây hoa đều có hàng hiên dài 7 gian, và có khắc họa hình tượng binh ngựa nghi vệ. Ở điện Nam Hải Quảng Lợi Vương, điện Giang độc nguyên vương, hai phía Đông-tây cửa tiện đều có hành lang mỗi bên dài 14 gian, khắc họa thần nghi Đội tượng, bộ chúng sấm mưa. Ngoài hành lang phía Đông có ao dơ giọt gà gáy, chén đồng đổ giọt, cung tên, cảnh nhạc v.v... Tiếp về phía Bắc có Thanh trai cung, phía trước có nhà sắc màu 9 tía 8 trắng, phía trước nữa khắc bia Họa đồ nhạc sơn, bia Tế nghi, bia Cấm chẻ núi, văn bia khác ghi chép, trong niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường, bia thơ của chiếc tham chánh báii yết miếu Nam nhạc. Đá giải vế. Triều đình sai sứ tiêu cáo thiết đặt trai. Từ đó đến phía Bắc có cửa Thần trù, đến phía Nam là giám sinh thái bảo vị, đúng tháng thì đến chước hiến cúng tế thực. Tiếp về phía Bắc có giếng Thương long, vách tường phía Đông liệt bày điện Đông nhạc Thánh đế. Ở cửa phía Đông có nhà Thị Lang, điện Thiên tào quân, điện Địa phủ quân, điện Ty mạng quân, điện Bắc nhạc Thánh đế, nhà Long vương. Ở ngoài hành lang phía Tây miếu có thần khố, thương khố sảnh, cộng cả thảy 20 gian. Trong sân có giếng Kim sa. Ở vách tường phía Tây liệt bày điện Tây nhạc Thánh đế, nhà Nam môn thị lang, điện Thất tú phương Nam, điện Ty lục quân, điện Trung nhạc Thánh đế, nhà Tây

môn thị lang, điện Trung tĩnh vương.

Trung tĩnh vương vốn dòng họ Trương, y cứ theo Ngô Trí Nghiêu văn bia nói là: Vương húy là Biện, trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời tiền Đường, gia đình ở tại Bạch mã; Cốt chi, có thuyết khác cho là ở Nam Dương; Đặng châu. Hòa hiệp chuộng khí, luôn cất đặt chày vàng trong tay áo để đánh những kẻ bất bình, gặp nạn của An Sử, Trương Tuần hứa đi xa dẫn theo quân lẻ trấn giữ Huy Dương, lập đài chiêu mộ tử sĩ. Được Nam tể vân dùng làm tướng, nhân đó xin quân soái đến Tấn Minh ở Hạ Lan, Tấn Minh chẳng chấp thuận, 2 người mới thề chặt ngón tay để làm tin, chết làm quỷ dữ ở núi hang, chẳng phóng thả Tấn Minh, qua hơn tháng đều chết, Vương báo mộng về nhà bảo là: “Tôi được thỉnh mới đến nơi Đế, bảo làm phụ Nam Nhạc làm Tư Đồ”. Truyền ký về tên húy của Vương chưa được thống nhất, hoặc nói Vương húy là “kỳ”, hoặc là “Hựu”, là “Tuần”, hoặc xưng là người ở thời Ngũ đại v.v... Nay thì lấy theo ở đình vất bỏ ngón tay tại Lâm Hoàn làm thật.

Đến trong niên hiệu Chính Hòa thứ 2 (1112) thời Bắc Tống, có Dao Nhân Hoàng An Tuấn làm loạn. Thần châu cầu đảo, cảm ứng bày tấu, nên sắc phong là Linh Hựu Hầu. Đến năm Chính Hòa thứ 8 (1118) thời Bắc Tống, nhân giặc Nguyên Châu Phan Tông Nham làm quá, tấu xin phong thân là Hổ Thiện Linh Hiển Công. Đến đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Đàm Châu tấu thỉnh, đặc biệt phong là Trung tĩnh vương, cáo tại bản miếu, rõ bày biển ngạch miếu tại Hành sơn treo ở hành cung. Gần đây lại phong là Oai hiển vương. Cửa gia ứng ở nhà Thổ Địa tại điện Ngũ thông gồm có 5 gian, phía Tây trong cửa có thiết 2 tôn thần cổ ty, phía ngoài cửa có văn bia tu sửa miếu, vào năm Hy Ninh thứ 3 (1070) thời Bắc Tống, do Giám Nghị Đại Phu Yến Độ dựng lập, Tiết Độ Thôi Quan Ngô Cư Hậu soạn văn. Phía dưới cửa có Đình chuẩn lệnh hạ mã, phía Đông có cửa nách trái, phía Tây có cửa nách phải. Hai phía Đông-tây hàng hiên kéo dài 26 dặm. Ở vách tường họa đắp các hình tượng quý, thần, binh lính, giáp, ngựa. Cả 4 phía Đông Tây Nam Bắc mỗi nơi đều có góc lầu. Lầu bia ở góc Đông-bắc là có văn bia đề là “Đại Tống Tân Tu Nam Nhạc Tư Thiên vương Miếu”, do Hàng Lâm Học Sĩ Lý Phưởng vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày 25 tháng 2 năm Cảnh Đức thứ 3 (1066) thời Bắc Tống. Trên lầu có treo 1 quả chuông sắt. Năm Thiệu Hưng thứ 11 (1141) thời Nam Tống, dân chúng huyện An nhân vất bỏ. Lầu bia ở góc Đông nam, tựa đề bia là “Đại Tống Nam Nhạc Tư Không Chiêu Thánh Đế”, do Hàng Lâm Học

Sĩ Lý Tông Ngạc vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày mồng 01 tháng 09 năm Đại trung tường phù thứ 8 (1015) thời Bắc Tống. Lầu bia ở góc Tây bắc, tựa đề bia là “Đại Tống Trung Tu Nam Nhạc Tư Không Vương”, do Hàng Lâm Học Sĩ Tô Dị Giản vâng phụng sắc chiếu kính soạn. Đợi chiếu Hoàng thức khắc triện, phía Bắc tường bia có ghi lối chữ Khải, lập ngày mồng 05 tháng 06 năm Đoan Cung thứ 2 (989) thời Bắc Tống. Phía trên lầu có 1 phòng tôn trí chiếc trống. Lầu bia ở góc Tây nam, có văn bia đề là “Đại Tống Tân Tu Tư Thiên”. Do Hữu Ty Giám Tiều Hồi vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày mồng 06 tháng 07 năm Cảnh Đức thứ 2 (1005) thời Bắc Tống. Ở cửa Linh tinh có 3 gian, hai phía Đông-tây có ao nước, ao lửa, phía trước có ao Hộ long. Tiếp về phía Bắc có nhà ở của Giám quan, phía trước có Ty phòng khách vị. Phía Đông cửa Gia ứng có nhà ở của giám miếu, kế tiếp nữa có cửa Đông nhỏ. Ở cửa Linh hướng có miếu Thị Lang, ở cửa phía Bắc.

Ngày mồng 01 tháng 04 năm Thiệu Hưng thứ 5 (1135) thời Nam Tống, chuẩn cứ sắc phong là Hiến trợ hầu. Miếu Hồ Nam An Phủ Hưởng Tử Nhân tu sửa phụng đặt văn bia cúng tế. Dưới sân có Thần vị Lôi Quang Phong, mọi điều cầu đảo thủy đều linh ứng. Tại Nhạc miếu chỉ bày tiết lập hạ gọi đó là Đại tế. Trước kỳ hạn thâu mua mọi vật liệu, đặt tạo ngự phục xiêm y khăn mũ trùm đầu. Đến ngày chánh thức cúng tế, từ nội ban giáng Ngự danh chúc bản. Bản châu giao phó cho nhau cùng khắc in, hoặc dùng thứ quan sung vào. Mới đầu Hiến quan tri huyện thừa bộ bản miếu quan nhiếp Á hiến chung hiến thái chúc dâng cúng lễ sau khi bình lửa đã dứt ngưng. Đó là pháp phúc của Bản châu, sai các quan vận mặc lúc tế cúng. Khổng Ngạn Chu cướp lấy hết chẳng còn, nên chỉ dùng xiêm y công chánh. Trước lúc cúng tế 1 ngày, Hiến quan phải nhóm tập kiểm xét tất cả mọi vật dâng cúng hoàn tất, tiếp đến nghinh thỉnh ở điện Phan Hy, lại thay đổi thân ngự y phục khăn mũ trùm đầu. Hai cung treo giá ngự y. Đến 3 khắc canh 5 ngày hôm sau. Hiến quan cùng mọi người chuyên lo công việc thủy đều nhóm tập để thiết tế bày các thứ vàng lụa, dâng ngọc quý đẹp, đọc chúc hiến nghinh Đế khúc, Ngũ phước giáng đến trung ương, 3 lần hiến cúng hương Tô hợp. Hoàng Đế Viêm, 4 Đóa tử thiêu đốt tiền tệ, tấu dẫn giá hành nhiều ngũ khúc. Nhạc ấy là nói từ khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường dùng loại nhạc ấy. Chỉ có Nhạc hạ và Hành sơn theo nhạc có công năng đó. Quân Trà Lăng ở miếu Viêm Đế cũng dùng Ngũ khúc, âm thanh hòa xướng thông hoảng. Năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, thường ban Nhạc Đại Thanh, gặp phải giặc ngựa hủy hoại,

chẳng lại dùng đó. Gần đây khoảng cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống, gặp phải Đồng Lộc, nên cung điện nhà cửa đều đã bị thiêu cháy đến khoảng 5-6 phần. Phải trải qua 5 năm sửa sang mới bắt đầu hoàn bị. Năm Thiệu Hưng thứ 30 (1160) thời Nam Tống, đang lúc tu chỉnh cung điện, Học Sĩ Tri Đàm Châu Ngụy Lương Thần soạn Phụng An Thanh từ bia. (Đêm 30 tháng 04 năm Tân dậu thuộc niên hiệu Cảnh Định (?) gặp phải Hồi lục nên Chánh Định Hậu Cung đều hư hoại hết, chỉ còn lại 3 cửa, tan nát hành lang mà thôi).

19. Tuần tự lịch đại chư vị Đế vương chân tiên thọ Đạo.

Tích tập ghi chép từ xưa chư vị Đế Vương Chân Tiên tinh cần tư duy nơi hang cốc, lắng thần tĩnh lực xông đốt hương thơm, tấu trời trống nhạc, và đến cả các nơi nhà cửa chức phần an nghỉ mà kinh du. Số ấy chẳng thể nói hết. Những vị Đắc Đạo trước sau đều đã ghi tả nói các sử sách, thấy đều bí ẩn danh sơn, rải rác khó cùng. Nhưng chẳng phải những người ở Nam nhạc thì không thể được mà ghi chép. Nay đây, ngoài việc thuật bày những linh tích của chốn núi non, so sánh trong các triều đại có những vị dẫn đầu trùm suốt các bậc chân tiên vậy.

Ở thời Biêm Đế, Thái Thượng gọi là Đại thành tử, trao bày Giáp nguyên tinh kinh, dạy Đạo sửa đời để hóa sinh, trao cho trăm giống lúa để thay sự mầu nước giết hại. Hòa trăm thứ thuốc để cứu chữa trăm bệnh, thưởng cho 5 giống cây mà trở thành 5 giống lúa để nuôi mạng sống của muôn dân, cấm ngăn sự giết hại các loài cầm thú. Công đã thành nhằm chán ở đời, chóng bày xa giá lên thành trà, thiết đặt trai hội ở Nam nhạc để cầu thông châu, cảm được Vũ sư Huyền Quân (Huyền Quân tức là Xích Đế Quân, sự việc làm Huyền Quân).

Dạy bày pháp luyện thủy ngọc, vào lửa tự thiêu đốt mà không cháy nóng. Về sau, huyền hóa nơi đồng hoang của Chu Dương. Thái Thượng dùng Đức chánh mà trấn tại Viêm phương (phương Nam), làm Chủ Ty Nam nhạc. Người con gái Công chúa của Viêm đế cũng rất kính mộ đạo, kính lễ Huyền Quân làm thầy, sau khi Đạo thành cũng đồng bay lên đến cửu quan.

Vào thời Chúc dung, Thái Thượng hiệu là Quảng thọ tử, trao truyền Án Ma Thông Tinh kinh, dùng Đạo dạy răn an thần. Nay trên đỉnh núi, nền móng địa chỉ vẫn hiện còn.

Theo Hoàng đế nội truyện nói là: Xả bỏ hơn 300 cung quán để vì tạo dựng thành Đạo quán. Lại ở nơi Ngũ nhạc, mỗi mỗi đều đặt Đạo quán. Hoặc có thuyết nói: Tây Hoa quán ở Nam nhạc tức là Thái Chân

quán xưa trước, là nơi vì Tây Vương mẫu mà tạo dựng để hầu thần, mỗi lần độ các Đạo sĩ có hơn 50 người, đốt hương tu luyện cùng với dân chúng cầu phước. Mới biết các thứ Quán vũ tại Nam nhạc, bắt đầu từ thời Hoàng đế, tiếp đến thời Hạ Võ đã có vậy.

Theo Đế Kỷ nói rằng: Xưa kia ở thời Chuyên Húc, Thái Thượng giảng hiện làm Đế sư (thầy của vua) hiệu là Xích Tinh Tử, ở tại Hành Dương trao truyền cho Đế (Chuyên Húc) kinh Vi Ngôn dùng Đạo Trung thuận mà chỉ dạy, đúc đồng của Vũ sơn làm đỉnh báu. Đào bến 7 sông để nhiếp phục vạn linh, dùng Tín thuận để xét xem các thần dẫn dắt mọi vật phục dịch, chế ngự trăm khí chu toàn khắp 4 phương, nên Đức hiệu là Huyền Đế.

Theo Đế kỷ nói là: Xưa kia, Cao tân đến Chung Nam gặp thần nhân mà có được kinh 9 biến 10 hóa, dùng để ẩn mặt nhật trốn mặt nguyệt, du hành giữa muôn sao mà nói rằng: Ta ở thời Đế, phù du trong nguyên khí mà làm Nguyên Quân. Ở thời Viêm Đế làm Vũ sư nghĩa Huyền Quân, tại thời Hoàng Đế lại hiệu là Xích tùng tử. Lại theo sách Lĩnh Nam Thượng Chú Sinh nói là Xích Quân, tức là Thái Hư Chân Nhân Cửu Thiên Xích Đế Quân ở tại Nam thần để ứng điềm, ở tại Huyền phủ để sống lại. Nay làm chưởng chức Nam nhạc, coi gồm tất cả vạn linh, nơi nhật nguyệt soi chiếu đến, chỗ núi sông giãm trải qua, không gì chẳng hệ thuộc vậy. Đế đều kính lễ đó, bỗng nhiên ẩn mất, về sau ngọc tự đi đến thoát giải thay ở núi biển.

Theo “Thượng Thanh Tứ cực Minh Khoa Thần Tiên Truyện” nói là: Xích Đế Ngọc Ty Quân húy là cảnh độ, mặc y phục màu ráng tía hoa đỏ, y 9 màu phụng chương, đầu đội mũ phù Thái nguyên phi thần vương, tay cầm nắm tiết 9 màu, trị vì đài Chu Dương động Thiên thái nguyên đô nữ thanh tả cung lãnh Nam nhạc Hành sơn, Tiên quan Địa linh, binh lính hỏa tinh xích binh, nam cực cùng trời không ngăn mé, không giằng không cướp cung điện vô cùng vô cực, nắm gồm tất cả quyền của thiên chân, thấy đều lệ thuộc Xích Đế Ngọc Ty Quân, chủ mạng con người tử sinh, nhờ biết tên húy còn ở thần ấy tu hành, cứ 9 năm đặt đến thuốc cỏ thần ngọc anh bất tử, ráng đỏ may bay xuống nghinh, triệu thân mà bay vút lên. Theo Ngọc thanh đế kỷ nói là: Xưa kia vào thời Ngu Thuấn, Lão Quân xuống làm thầy hiệu là Duẩn Thọ Tử, truyền Đạo Đức kinh cho Đế Thuấn giảng nói về Đạo hiếu đức, Đế đốc công thực hành khắp cùng sinh linh, bít trốn tam miếu, qua đến động đình, tuần thú đến Nam nhạc xây dựng nên quán để ngóng trông ngày dời bình báu cam lồ lên trên núi, thiết đặt trai hội tại Nam cung để cúng tế Viêm Đế, vạn

mặc y phục sắc tía hoa lớn dày đẹp mà trèo đến núi cửu nghi.

Theo chân cáo nói là: Bắc Nhung Trưởng Hồ Đại Vương Hiến Đế là cao mỗ của Bạch lang và chuyển hoa tía vận mặc đó khiến người trường sinh bay lên tiên cùng trời tương tất, vua Thuấn liền đơm phục đó mà thoát giải thay ở đồng trống thương ngô.

Lại nói là: Ngu Thuấn Tuần Thú Nam Nhạc đến cửu nghi gặp vị tiên nào uống thần Đan mà được giải thoát thay.

Theo Vương Thị Thần Tiên truyện nói là: Đế Thuấn giáng đến Hoàng đình quán tại núi Cửu nghi, nói cùng Nữ chân vương diêu tướng rằng: “Tinh chuyên chí Đạo là thêm cấp đến trường sinh. Tôi là Đế Thuấn, người xưa trước nhọc chán muôn nước, nhân tuần thú đến Nam nhạc cúng tế Chúc dung mà ở đó. Người có chí cần khổ nên lại cùng gặp đây. Đạo chẳng phụ lòng người, tu thì hẳn chứng đắc đó, hưởng gì là có thiên cốt ư?”

Lại nữa, Đế Nghiêu thường lấy Bình mã não vật báu của Hoàng Đế ban tặng cho Đế Thuấn, theo hướng Nam đi tuần, dời vật báu đến Nam nhạc. Võ Đế chôn giấu vật báu ở phía Tây đài Thiên Bảo, và ban sắc Địa kỳ gìn giữ đó.

Theo Tiên lục nói là: Xưa kia Võ Vương thiết trai tại Hành nhạc, cảm được Thương Thủy sứ giả trao cho Kim giản ngọc thư gồm cả thủy có 5-3 điều cốt yếu, ngầm giúp Vương sửa trị thủy, Võ Vương tạo dựng cung Thanh lãnh, kính phụng an đặt tôn tượng Ngu Thuấn, độ các Đạo sĩ xông đốt hương tu tập. Theo Mục Thiên Tử truyện thì là: Mục Vương có được xe 8 ngựa giỏi đi tuần thú, xả bỏ hơn 300 Hành cung để tạo dựng làm thành Đạo quán. Nay tại Nam nhạc có 4 đài Quán nền móng hiện còn vậy.

Tần Thỉ Hoàng mến thích Đạo, tìm phương sĩ ra đến Vân mộng, nổi trôi đến tận Động Đình, tuần thú đến Nam nhạc, trông thấy núi mà cảm thán (nay phía Bắc núi có núi Hoàng tướng) đều thờ Thuấn Đế ở Cửu nghi, sóng gió đầy trời, nổi trôi theo sông mà xuống, vượt đến mai chữ qua Đan dương trèo đến Cối Kê, cúng tế Võ Vương ở Đông Hải, mong cầu từ phước ở Bồng Lai. Đến thời nhà Hán, vua Võ Đế theo hướng Nam đi tuần, vì Hành phụ (nhạc) xa xôi, nên dừng bước tại Hoắc sơn mà cúng tế. Ban sắc tạo dựng Vương mẫu quán tại Nam nhạc. Nay, tại phía sau ngọn núi Bích tự còn có địa chỉ nền móng. Hoặc có thuyết nói là tạo dựng chùa nhưng không bao lâu cũng bị hư phế.

Lại nữa, Huệ Xa Tử, không biết là người thuộc dòng họ gì, tu Đạo tam bên thất diêu, cùng với Nghiêm Quân Bình làm bạn tốt lành, đã có

vài lần đi đến Tam tương, nường nấu tại Nam nhạc với thời gian lâu, thoát giải thay ở núi Luyện ngọc.

Lưu Căn tiên sinh tu Đạo Đại Động Đế Nhất, rảo bước trông xem khắp bốn hướng, làm chánh trị rất có đạo đức, lúc tuổi già bèn về ngọn núi phía Đông của Nam Nhạc, luyện chân, châu tinh đầu, đượm phục khí, cúng tế thần mà Huyền hóa.

Vương cốt Thần ba huyền diệu là Đạo sĩ ở núi tại thành phía Đông, thời Tây Hán; Thục. Từ thuở bé nhỏ mà thông minh đỉnh ngộ, chẳng ở nơi vinh hoa sủng ái, thông rành văn liệt của Lão Trang, khéo giỏi về tinh vĩ, chu du khắp các danh sơn, vượt qua kinh sử, nổi trôi tới Tiêu tương đến Nam nhạc dựng lập ăn ngon mặc đẹp vợ con đầy nhà tranh tại điện kim mẫu. Về sau tu luyện khai thức hoàn nguyên qua vài năm, khi Đạo đã thành theo hướng Đông đi khắp các nơi anh ngọc, phỏng hỏi cứu tiên, gặp được Võ Đế theo hướng Nam đi tuần. Trông thấy thần khí vượt khác hẳn mọi người mới mời gọi lại đến ẩn dưới ngọn núi phía Tây, Võ Đế ban đãi rất nồng hậu và phong Vương Cốc làm Thái vi tiên sinh, Thần Ba làm Thái tổ tiên sinh, dùng Thượng khanh mà tiếp đãi đó. Sau 3 năm khống ngự Bích loa mà bay lên.

Lý Phụng Tiên là người Đông Thục. Từ thuở nhỏ chẳng hề nói năng, đến năm 18 tuổi, từng muốn sống lạnh lùng để trốn lánh các thứ tanh nồng hôi hám, có người hỏi đến thì nói là: “Biết trắng giữ đen, Đạo quý ở sự trầm mặc. Thầy của ta là Nam Nhạc công, Ta là Thái tử thối tiêu của vua Linh Vương thời nhà Chu. Ta đã 3 đời kính phụng Đạo, mà ma luôn thử thách, do vì công đó chưa hiển trước vậy. Nay trao cho ta pháp của Chu Vồng, giúp cùng bay qua Nam cung. Thầy ta là Phù Khâu Công truyền trao cho con, nay giao lại con, cho nên tinh cần, nếu lại chậm trễ ở đời này thì muôn kiếp chẳng độ được. Ta là Nam Nhạc Tư Mạng Thị Đế Thần, lại phụ giúp cho Đồng Bách Chân Nhân”. Nói xong bèn ẩn mất. Về sau hành đạo được vài năm, xua đuổi sai sử quỷ thần, dứt trừ, mọi điều hại, tạo nên mọi điều lợi, khắp cả nước nhà đều ngưỡng mộ. Về sau, vua Tuyên Đế thời nhà Hán ban chiếu mời mà chẳng đến.

Động Chân tập. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Quang (?) thời vua Minh Đế nhà Đông Hán, có Trương Đạo Lăng ở núi Thiên mục tại đất Ngô vân du đến Hành sơn bái yết Thanh Ngọc Đàn và Quang Thiên Đàn. Lễ bái đền thờ Chúc Dung Quân, rảo bước trông xem khắp bốn phía, bỗng nhiên đổi sắc mặt mà bảo rằng: Lạ thay núi này, dằng đặc đồng hoang sông nước, 3 triệu 5 chiết dùng khoảnh phía Đông. Lớn lao

núi lạ, sau theo trước tham như khoan tay vái chào. 5-3 vị Quân vương đều thọ Đạo tại đây. Tử Dung khí tốt bít ngăn Chu Lăng, trong 10 năm sau sẽ là khí bay, đất của Vũ Hóa, siêu việt hơn xưa, sau trôi nổi đến Động đình, ngầm đi đến Hoắc sơn mà ở Trung nhạc.

Theo Chân cáo nói là: Xưa kia trong Nhạc sơn có người học đạo là Trương Lễ Chánh và Trị Minh Kỳ. Trương Lễ Chánh vào núi khoảng cuối thời nhà Hán, ăn dùng đượm phục Hoàng tinh, nhan sắc còn đang trẻ khỏe, tuổi khoảng 40. Trị Minh Kỳ vào núi khoảng cuối thời nhà Ngụy đượm phục Bạch thật Hoàn ở Trạch tả. Hai người cùng ở trong hang núi, về sau đều thọ tây thành Vương quân, truyền cho Hồng Cảnh Đan Phương. Từ khi trở lại đượm phục loại Đan ấy rồi, trong 40 năm gặp hoạn Đan Sa nên khó chứng đắc, đều ra Quảng châu làm tang môn. Khi ấy Ất Hàm đang làm thứ sử, bèn được rộng suốt trong ngoài, khí xông vọt thân nhẹ nhàng, mỗi ngày đi 500 dặm, về sau vào núi cứu nghi.

Tôn Đãng vất bỏ vinh vị, ẩn trốn để cầu tiên đến nổi ngủ nằm lộ bày, nhẫn chịu cớng lạnh, ăn dùng rau cỏ, trộm cầu chí Đạo, cảm được xích quân, có được keo mở ngọc sa. Lâu sau, vào cối kê. Nên xưa trước ghi là Tôn Đãng ở nơi chúc bằng lưu lại tại Hồ sơn vậy.

Ngụy phu nhân, căn cứ theo nội truyện thì húy là Hoa Tôn, tự là Hiền An, người xứ Nhâm thành, tức là Tả bộc xạ ngụy thư nữ ở thời vua Võ Đế nhà Tấn. Phu nhân là người thiên tài trác dị, nêu huyền dẫn u. Thuở thiếu thời tụng đọc Lão Trang và cả các sách xuân thu, tam truyện ngũ kinh, Bách tử, mọi sự đều ngâm xem, tánh ý mến thích thần tiên, đượm phục vị chân mện mộ Đạo. Từ thuở thiếu thời ăn dùng cơm với vừng mè lẫn viên phục linh. Nhả nạp khí dịch, nhiếp sinh thường vắng lặng, thân thích qua lại, không một liên quan gì. Thường muốn riêng ở 1 viện, riêng lập nhân xứ. Cha mẹ tuy vui mừng điều xa lạ ấy nhưng việc chẳng thể giao thuận. Vài lần hạn chế cản bức đó, dùng nhân lễ để dạy răn. Đến năm 24 tuổi, cưỡng gả cho Thái Bảo Công Duyên Nam Dương Lưu Hựu, tự là Ấu Ngạn. Nữ lễ có hạnh, thời chẳng được vậy, đánh phải chấp thuận làm vợ nhà họ Lưu, lại chẳng đượm phục ăn dùng, mọi sự nhả nạp thầy đều phế bỏ. Nhưng tâm luôn mong cầu u linh, mở thệ cáo thề, tinh thần kín khổ, ứng hợp nương cảm, chí ý xưa trước vẫn còn chẳng khuyết. Huyền Lý trái với Đầu, đường chưa được toại, đãi cùng cháu con, thô lập kế tiếp dòng họ Lưu, từ đó phân riêng phòng nhà, lìa phòng cách giường, sâu gá ẩn ẩn, trở lại tu theo điều chuộng xưa trước. Năm thán cáo cảm, nghiên tâm Đạo đã ưu thắng. Ấu ngạn vì tu võ, khiến phu nhân dần tùy theo đó. Tuy nhà đồng trong huyện, mà cách

nhiều trùng lớp, bèn nhân lúc thanh nhàn thiết trai ở phòng thất riêng, kính cẩn tu hành Đạo pháp, nhập thất cả trăm ngày, mong cầu tiên linh, tinh cần tư duy mong cảm. Do đó vào một đêm tháng 12 tĩnh lặng, bỗng nghe có tiếng vang vọng của chuông, trống, kèn, tiêu, âm nhạc rầm rĩ, nghi là có việc chẳng thường, nên ra khỏi phòng nhà để trông xem, thì trong hư không từ phương Đông mà xuống, cờ xí lẫn lộn, lọng vũ tấp nập, bay buộc giữa khoảng mây, sáng ngời các ráng tối, tỏ rõ cả thái không, mà mọi người khác không nghe thấy. Chỉ khoảnh khắc đi đến, xe hổ kiệu ngọc, xe ỉn vòng bánh đều chóng giá đến giáng xuống nơi phòng vắng của phu nhân. Có 4 Chân nhân đều tuổi ngoài 20, dung mạo to lớn, dáng dấp tuấn tú đỉnh ngộ, trên đầu đồng đội mũ hoa sen sắc tía, vận mặc xiêm y gấm lụa, nhị ngọc giải báu, thân mang đường văn hổ, cổ có vòng sáng, tay nắm phan hoa. Trong đó, 1 người tự xưng là: “Ta là Thái Cực chân nhân an độ minh”, lại người kế tiếp là: “Ta là Đông hoa Đại thần phương thỉnh thanh đồng quân”. Người thứ 3 tự xưng là: “Ta là Phù tang dương cốc thần vương”. Và người thứ tư xưng là: “Ta là Thanh Hư chân nhân. Nhờ có Thiên vương vương tử đến vậy”. Khi đó phu nhân lẩn lóc bái lạy cúi đầu tự vo tròn mà nói rằng: “Không nghĩ tính ngày nay các Đạo quân giáng xuống. Chỉ xin thần tiên trường sinh độ đời!”. 4 chân nhân mới đồng ngồi giây lâu, Vương tử đứng dậy báo cùng phu nhân rằng: “Nghe con ngày trước chuyên niệm thiện, triển chuyển cầu sinh, kín xuyên ngang chân khí, hòa hòa với thể thanh, Đan ân hoài xa vợ, ghi chữ thượng thanh, cao hợp với chân nhân, ôm giữ chữ tín mong cầu linh, ngấm cảm thông triệt, lắng soi sáng xích thành, toại với kim thư tử cực, tàng giản ở Vương đình, đức vị cao tỏa, Huyền xướng ngang giêng. Do đó, Thái Đế Quân ban bảo ta đến dạy cho con Đạo lý thần chân!” Khi đó phu nhân bèn thọ học Đạo, xong rồi đến kỳ hẹn ước, gặp tại Dương Lạc, các chân nhân lại giáng hiện, khiến phu nhân gá bệnh mà thoát thay. Vùn vụt xoay chuyển dẫn mạng đến phỏng hỏi Vương ốc thanh hư, Động thiên vâng phụng Thiên Đế quân mạng truyền ban thẻ ngọc văn vàng, đặt vị ở tử hư. Nguyên quân lạnh thượng chân ty mạng chủ, sổ sách các Đạo sĩ sống chết, nhiếp ngự 3 quan, xét kiểm hạch tội, lại thêm Nam nhạc. Phu nhân sánh so thứ lớp tiên công sửa trị Đại Hoắc sơn động đài. Bỗng chốc mà tư mạng thần tiên, xung tịch ma cô đại tiên, tá trị lĩnh Nam nhạc động thiên phước địa tiên quan, linh đàn chủ giả quan thuộc đều đến nghinh đưa phu nhân đến thượng cung thanh hư. Chỉ thời gian khoảnh khắc bèn đã đến thạch sần tại Nam nhạc. Trông yêu khí trước núi, biết là có tinh vật gây tạo dịch bệnh,

nhân đó ghi viết Phù để khử trừ. Ngày nay ngựa trông lên Thiên thai có động Bạch long là đó vậy. Về sau, đến năm Hàm Hòa thứ 4 (329) thời Đông Tấn, vụt xoay xe xuống nghinh bay lên trời.

Tiên Truyện Thập Di Tiết Nữ Chân, không biết là người thuộc dòng họ gì. Trong thời nhà Tấn, gặp lúc tàn tệ, khắp chốn kinh ấp không được an ninh, nên những vặc hiền sĩ có Đạo phần nhiều đều đến nương náu nơi chốn núi rừng để lánh cuộc đời. Nhân ở Nam nhạc tìm kiếm chân đài, ngoài hiện bày tướng đồng trần mà trong luyện tu chí Đạo, thường cưỡi con báo trắng tới lui ở núi Kỳ-xà, chim vàng vượn trắng chẳng lìa khỏi hai bên, về sau đến núi Vân long mà thoát giải thay.

Tiên truyện Lưu Lô Chi, tự là Tử Ký, từ thuở thiếu thời mến chuộng tố chất, khiêm hòa ít muốn, chẳng tu chỉnh oai nghi tiết tháo, mọi người chẳng thể lường biết đó. Ưa thích rảo bước chốn núi hang, chí ý muốn ẩn dật. Nhân đi hái thuốc, đến Hành nhạc, vào trong sâu xa, quên cả trở về thấy 1 khe nước, ở phía Nam khe nước có 2 Thạch khuân (vựa đá), 1 vựa mở, 1 vựa đóng, nước sâu ngút chẳng thể qua đến, muốn xoay trở lại thì lạc mất đường, gặp người đi hái củi, liền dò hỏi bên, người ấy kính cẩn đưa dẫn về nhà, nói là trong vựa ấy toàn là thượng dược tiên phương, các thứ quý báu kỳ lạ lắm nhiều. Lô Chi bèn trở lại tìm, thì đã mất hẳn nơi chốn.

Liễu Nhiên Tử, người xứ Liêu Đông, không rõ bày tên họ là gì. Nhân đi đến 24 trị ở Tây Thục, sau vào ở núi Thái Bạch, phạm những lúc vào ra, Hồ báo thường luôn nhiều theo, cũng không biết tu theo pháp gì. Sau lại đi đến Tam sở chỉ hơn trăm năm, có các bạn lành thân thiện như là Ngô Mạnh, Lục Tĩnh Tu, Quách Phác, Tạ Linh Vận, Tăng sĩ Huệ Viễn v.v... trước sau nối tiếp nhau. Sư Lượng thường sư đến mà nói rằng: Tiên sinh trông xem các bậc Hiền giả có thể thoát khỏi đời ô trược ư? Liễu Nhiên Tử bảo rằng: “Công thì có cạn sâu, Đạo thì chỉ 1. Tuy mỗi có được chỉ thú nhưng chưa thể như Liễu nhiên”. Lại hỏi rằng: “Tiên sinh như thế nào?” Đáp rằng: “Ông qua khỏi tháng này mà trở lại thì sẽ vì ông nói”. Sau đó chưa qua khỏi tháng thì sư lượng qua đời. Tiên sinh từ Tây sơn phỏng tìm đến Nam nhạc bái yết Thanh ngọc đài và Bạch bích đài, sau đó đến trước động, vào cửa động phỏng hỏi xướng lợi tiên sinh, uống quá vài ngày mà lý tiền đến Thục sơn, tiên sinh trở lại ẩn ở Động trước. Đến thời nhà Tống, có cao Tăng Tông Bính phỏng tìm mà chẳng gặp.

Tiên truyện Đặng Dục Chi, tự là Ngạn Đạt, ở ẩn tại động Linh Đài; Nam nhạc, ban đêm trì tụng Đại đồng kinh thượng cảm, Ngụy phu

nhân giáng hiện xuống bảo Dục Chi rằng: “Ông có Tiên Phần đặc biệt lại cùng phỏng tìm đây”. 1 ngày nọ bỗng thấy 3 con chim sắc xanh hình dáng như Hạc đến bay liệng cổ vũ kêu hót, qua cả giờ mới đi. Dục Chi bảo cùng đệ tử rằng: “Chim xanh đã đến, tức hội châu đã đến vậy” bèn giải hóa (qua đời).

Cao Tăng Tông Bính ở thời nhà Tống, tự là Thiếu Van, khéo giỏi viết chép, người xứ Nam Dương, tánh tình ưa thích ở chốn núi sông. Giẫm trải qua kinh vu theo hướng Nam lên Hành nhạc, nhân lập am ở tại Hành sơn. Lâu sau vì tật bệnh, bèn trở về lại Giang Lăng mà tự than rằng: “Lão bệnh đều đến Danh sơn, sợ khó đi cùng khắp! Phải lẳng lòng quán Đạo, nằm mà đi vậy”. Phàm những nơi đã giẫm trải qua đều họa vẽ lại nơi tường vách, ngồi nằm mà dò xét đó.

Ở thời Bắc Tề có Ngô Đạo Vinh. Từ thuở bé nhỏ mà ít nói không thông rành văn tự, thường ưa riêng ở 1 mình. Nhân đi đến Nam nhạc, gặp được Xích Quân trao cho phù thủy cấm chú, số của Vĩ Hầu không gì chẳng gồm đủ, thường đến cửa Liêu Dương, có hổ đi ngựa đứng cách hơn 10 bộ, mọi người đều kinh sợ bỏ chạy. Đạo Vinh từ từ dùng gậy họa vẽ nơi đất thành hầm hố lớn, Hổ bèn bỏ đi.

Chữ Bá Ngọc, tự là Nguyên Cừ, người xứ Tiền Đường; Ngô quận, ở ẩn tại núi Bạo bố; Nam nhạc, khéo thông rành các thuật giải, xem xét sâu về Đồ bí, hái luyện nạp ngữ, không gì chẳng làm, vua Cao tổ thời nhà Tề ban chiếu lấy 1 quận ở Ngô Hội để dùng lễ cấp ban. Lại lấy cơ bệnh mà khước từ, bỗng chốc mà qua đời, người chủ đều hối hận, mới ban chiếu xuống dưới núi Bạo bố dựng lập Thái bình quán. Vì Bá Ngọc ưa thích tụng kinh Thái Bình và kiêm tu Đạo ấy nên lấy đó mà đặt tên Đạo quán. Lại giá tự nhiên ở đó đốt hương tu luyện, gặp được Nam Nhạc Chân Nhân Trần Hiếu Vi; tự là Tử Minh, mà kính lễ đó. Chân nhân bảo rằng: “Pháp của con tu Ta đây có biết vậy, sắp có Cao nhân, hẳn tuyền cho Diệu chỉ”. Về sau gặp được thanh thành trượng nhân giáng hiện đến nơi phòng thất, trao truyền cho 91 bí quyết tiên bay. Giữa lúc ban ngày tự nhiên cử vọt lên nhẹ.

Câu Tiên Cô, người xứ Trường sa, sau khi nhập Đạo, ở tại Hành sơn, tuổi ngoài 80 mà dung mạo rất trẻ khỏe. Đến ở nơi Đàn Ngụy Phu nhân, tình tu hương hỏa hơn 10 năm, trọn không bè bạn, bên cạnh Đàn có lăm nhiều hổ. Mọi người đi thì phải kết bạn cầm nắm các khí cụ mà vào. Trong thời gian Tiên Cô an ẩn, chẳng từng thấy khiếp sợ, đỉnh đầu sắc hồng, đuôi dài, bay đến chỗ Tiên Cô ở mà tự nói rằng: “Ta là kẻ sứ của Nam nhạc phu nhân. Vì Cô tu Đạo tinh khổ riêng ở nơi chốn núi

rừng sâu cùng, nên bảo ta đến vì làm bạn”. Ngày khác, chim lại bảo rằng: “Vương Mẫu dòng họ Câu, là Tổ của Tiên Cô vậy, chỉ vì thời kỳ chưa đến, nên gắng mà tu luyện vậy”. Mỗi lúc có người đến núi, chim xanh thấy đều dự báo nói cho rõ biết dòng họ tên tự của người đó. Lại bảo rằng: “Họ Câu ở Hà Nam là chốn núi xưa cũ của Vương Mẫu tu Đạo vậy”. Một ngày nọ, chim xanh bay lại báo rằng: “Đêm nay có sự hung bạo làm hại, nhưng chớ vì vậy mà khiếp sợ”. Đêm đó quả nhiên có hơn 10 Tăng sĩ đến phá hủy Đền tiên Ngụy phu nhân, là 1 tảng đá lớn vuông rộng hơn 1 trượng, phía dưới nhỏ nhọn nổi cắm trên tảng đá khác, thường lúc 2 người xô đẩy thì lay động, còn nhiều người xô đẩy thì cứng chắc mà đứng. Đêm đó các Tăng sĩ mang lửa cầm nắm dao sắc muốn hại người Tiên Cô ở thất đó. Tiên Cô nằm ở trên sàn mà các Tăng sĩ không thấy. Các Tăng sĩ đã ra khỏi cửa, liền xô đẩy phá hoại Đền Tiên, rầm rĩ vang động, núi nong lay lắc, hang cốc rách xé, cho là đã bị sụp đổ, nhưng chẳng mảy may lay động. Các Tăng sĩ cũng dẫn nhau kéo chạy. Đến lúc trời sáng, có người chạy đến thôn xa. Cả 10 người phân tán, trong đó hết 9 Tăng sĩ bị hổ làm hại, chỉ có 1 người chẳng cùng xô đẩy Đền Tiên nên được thoát khỏi. Hơn năm sau, chim xanh lại đến báo cùng Tiên Cô dời đến ở nơi khác. Nhân đó Tiên Cô dời đến ở Tương Nam, chim cũng liền theo đến. Mà người khác chưa từng gặp nói đó. Trịnh Điền tự thừa chỉ Học sĩ tả dời đến Ngô Châu, bắt chước tôn thờ nơi Tiên Cô. Tiên Cô bảo cùng Trịnh Điền rằng: “Từ nay trở về sau khắp 4 biển có lăm nạn, không thể sống ở lâu dài. Tôi sắp ẩn tại núi Cửu Nghi vậy”. Một ngày nọ bèn đi ra nhóm tập ở tương thành.

Thời nhà Lương, có Cao tăng Đại sư Hải Ấn, mới đầu ở tại chỗ cao nhất của Hành sơn, tính về niên Đại thì khoảng trước niên hiệu Thiên giám (502-520) đến Đại Đồng (535-546) thời Nam Lương, nên cùng tương tiếp với Tổ sư Đạt Ma, và đồng thời với Khả Công (Huệ Khả) chung sống. Đó gọi là Đạo Trànng Thiện Quả vậy. Sư Hải Ấn an ở tọa tĩnh thiên định, có hơn trăm thứ nhiễu loạn, mà chí ý vẫn như mới đầu. Trải qua vài năm cảm động đến đất trời, hoặc có dòng nước mới tự đến, hoặc có các tặng phẩm vận chuyển từ sâu xa, xua đuổi hổ rắn chạy xa, các bậc hiền quý cảnh mộ cùng đến. Đến đầu niên hiệu Quang thiên (?)⁽¹⁾ thời nhà Tần, có Hòa thượng Huệ Tư mới từ Bắc lại, đến chỗ Đại sư, hân hoan kế hợp. Từ đó riêng dựng lập am xá trên cầu đá. Cao ở phía nam, nên gọi là Nam đài. Trước kia cỏ dại Tây Tần lớn thành rừng, chướng khí ùn tỏa thành sương mốc, hổ gấu kêu réo, quỷ mị tung hoành. Từ khi có Đại sư đến ở thì tự nhiên An Lạc. Nếu chẳng là tiết

tháo tinh thần cao vội thì ai có thể trấn phục được như vậy ư? Mới đầu thì che chở kinh tượng, sau cùng thì tạo thành điện, đường, chùa, viện. Hoặc kho lẫm cao lớn đựng đầy thóc gạo, dần thí ban cho những người mang vác, hoặc là đá lớn mài hương, chuyển đời tạo hóa, vết tích hiện bày rõ ràng vậy. Lại nữa, bên cạnh đài có phòng nhà 500 vị A-la-hán. Đến nay nghiệm xét, nền móng ấy vẫn hiện còn. Hoặc có thuyết nói: Bạc siêu nhiên lãnh dẫn chúng đi, vết xe đi ruộng lúa dứt tuyệt chẳng trở lại, bèn vì ẩn hóa. Sau lại có người đến tìm cầu, có lúc nghe có tiếng chuông vang vọng. Than ôi! Thần công của biến hóa, tướng của hiện thấy chẳng thể lường được vậy! Về sau, đến thời tiền Đường có Thiên sư Thạch Đầu Hy vận truyền pháp hưng thịnh trùm khắp phương Nam trước thuật thảo am ca tham tâm đồng bạn, đến nay vẫn hiện còn.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, có Cao tăng Hy Tuần là bậc tinh tu phạm hạnh, thâm tụng giáo điển, ẩn ở tông lâm người thời bấy giờ chẳng thể lường biết. Nhân An cư kiết Hạ tại Thiên Thai, gặp Tôn giả Huệ Hải, sớm tối chuyên việc phụng thờ chưa từng biếng trễ. Đến lúc Hy Tuần muốn giả từ ra đi, nên xin cùng Thầy Huệ Hải. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Ông, giới hạnh không khuyết thiếu, chỉ vì tụng kinh tiếng tăm ồn náo trong chúng. Ta hứa cho ông cùng gặp ở tại chùa Phương Quảng ở Nam nhạc sau này vậy”. Biết thầy là bậc có khả năng thông hiểu tâm mình thật là người khác thường vậy. Kịp tới lúc Hy Tuần đến Nam nhạc tìm hỏi chùa ấy. Các bậc Lão thành từ xa gần bảo là: “Các chùa trong núi đây không có chùa nào tên là Phương Quảng Hy Tuần cho là bậc chí nhân nói lời thật đâu có thể khi dối ta ư? Mới giẫm trái khắp cùng các hang cốc, mong cầu trông thấy Đạo tràng. Một ngày nọ bỗng ở giữa khoảng 72 ngọn núi gặp một ngôi tinh xá hiệu là Phương Quảng, đất ở đó bằng phẳng, suối Linh giao dòng, quỷ thần vận chuyển lương thực đến, trâu vàng cưỡi chở, bỗng chốc thấy Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Sao người đến chậm vậy?” Hy Tuần tán thán đánh lễ. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Đây là nơi Đạo tràng của 500 Tôn giả, ông chưa thể ở đây được, ông nên đến đỉnh núi ở phía Tây bắc”. Mới lưu ở tại đó 1 đêm mà đi. Hy Tuần bèn y theo lời Tôn giả Huệ Hải kết lập am viện tại đó. Đến năm Đại Thông thứ 6 (532) thời Nam Lương, bèn xây dựng chùa Phương Quảng tại nền móng am viện đó.

Trong thời nhà Tần, có cao Tăng Đại Hòa thượng Tư, húy là Huệ Tư, vốn dòng họ Lý, người xứ Võ Tân, vừa mới sinh mà tướng tốt hiện bày, nhục kế nổi trội trên đỉnh đầu, trội vượt hơn hẳn các tướng, tự

chứng đắc đạo lý chẳng nói bày, gá tu tịnh Phạm mà chứng Viên giác, thường bảo cùng Đồ chúng rằng: “Ta đi sang phía Nam Hành sơn vậy”. Nhân đó mà từ núi Đại Tô đi đến. Thời vận nhà Lương ngăn ngủi, cõi đất phương Nam luôn lộn xộn. Qua vài năm mới đến được Nam nhạc, trông xem khắp 4 phía, sai lại đến nơi cội ngô đồng. Trên sườn núi có tảng cứng lớn như đài, Huệ Tư bảo cùng đồ chúng rằng: “Xưa trước tôi ở tại nơi đây tu tập, đến nay đã có 3 đời kiếp. Ước tính về khoảng đất lấp sâu cạn đều có hài cốt vậy, đến nay có tảng đá đây cùng biết. Và nay, tôi ngụ ở tại đây 10 năm nữa”. Nhân đó mà tạo dựng Bát Nhã đài để ở, thiếu nước thì Đại sư dùng gậy gõ vào sườn núi tự nhiên suối nước tuông chảy, đến lúc đồ chúng càng đông nhiều lại không thể cung cấp, lại cảm có 2 hang hổ bay đá khỏi dòng vận nước như thần. Nhân 1 ngày nọ, Đại sư Huệ Tư bảo cùng môn nhân đồ chúng rằng: “Kỳ hạn 10 năm đã đến vậy. Ta đem giáo pháp trao truyền và đi đây”. Lúc đó là ngày 22 tháng 06 năm Thái Kiến thứ 09 (577) thời nhà Trần, Đại sư Huệ tư nghiêm nhiên thân thần thị tịch. Có đệ tử Linh Biện giảng lòng cảm tuyệt. Bỗng nhiên Đại sư bảo rằng: “Cớ sao phải nghĩ nhớ ta đến nỗi như thế?” Lại vì giảng nói pháp. Nói xong, Đại sư lại tịch diệt, hưởng thọ 64 tuổi. Tính lại mới đầu từ năm Quang Thái thứ nhất tức năm Bính Tuất (566) đến đây là năm Bính thân (576) Đại sư tịch diệt, quả đúng 10 năm vậy(1). Về sau, đến thời tiền Đường (Đại sư Huệ Tư) lại hóa làm vị Tăng tên là Viên Trạch cùng vị Tăng họ tên là Lý Nguyên đồng đi đến bến sông phía Nam kinh hạp. Viên Trạch nói cùng Lý Nguyên rằng: “Ta đến nhà người con gái dòng họ Vương Đầu thai làm con, cảm phiền ông lo việc hậu sự cho ta, hẹn 13 năm sau sẽ gặp lại phía ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu”. Quả nhiên Viên Trạch thị tịch, mọi việc hoàn tất, về sau Lý Nguyên trở lại nơi ước hẹn, từ đất Lạc đến đất Ngô, nghe đây sấn đư đưa trên bờ sông có Đồng tử gõ sừng trâu mà ngâm ca rằng:

*“Ba đời trên đá tinh hồn cũ
Thưởng trăng ngâm gió chẳng đủ bàn
Xấu hổ tình người xa cùng hỏi
Thân này tuy khác, tánh thường còn”.*

Lý Nguyên bèn kêu hỏi: “Trạch Công khỏe mạnh chẳng?”. Đồng tử cười trâu đáp rằng: “Lý Công thật bậc sĩ giữ chữ tín! Nhưng duyên trần tục chưa hết, lại nên tu tiến mới có thể cùng gặp”. Lại ngâm ca rằng:

“Thân trước thân sau việc vợi vàng

*Muốn nói nhân duyên sợ rách lòng Núi sông Ngô
Việt tìm đã khắp
Tới lui sóng khói lên cù Đường!”*

Trong niên hiệu Đại nghiệp thời nhà Tùy (605-617), có Cao tăng húy là Đại Minh, người xứ Ngô quận, dòng họ Chu; thật ra dòng tộc Hồng ở Giang Biểu. Tánh lượng bao quát núi sông, chí ý bền chắc như vàng đá, tài cao riêng ưu tú. Học nghiệp thông rành nghe rất nhiều. Lúc vua Dương Đế (Dương Quảng) đang ở đất phiên thỉnh mời vào Đạo tràng Tuệ Nhật. Đến năm Đại Nghiệp thứ 12 (616) thời nhà Tùy, ban sắc Pháp sư đến Nam nhạc nơi chốn Hiếu Giáo, tạo dựng tôn tượng Đức Phật Vô Lượng Thọ cao 36 thước, và 2 tôn tượng Bồ-tát, Phục hưng lại Long. . . (phần văn dưới khuyết!).

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

